ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VĂN QUỲ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VĂN QUỲ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Thị Oanh | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Huỳnh Trần Khánh Long | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Đặng Thị Bích Hương | Thư ký Hội đồng | Thư ký Hội đồng |  |
| 4 | Trần Thị Tuyết | Chủ tịch Công đoàn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 5 | Nguyễn Tấn Phong | Tổng phụ trách Đội | Ủy viên Hội đồng |  |
| 6 | Lê Thị Hòa | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 7 | Nguyễn Thị Kiều | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 8 | Đặng Đình Hùng | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 9 | Phạm Thanh Kim Ánh | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 10 | Nguyễn Thị Nhinh | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 11 | Võ Thị Thư Mai | Tổ trưởng Tổ văn phòng | Ủy viên Hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 5 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 13 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 13 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 18 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 18 |
| **Mở đầu** | 18 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 21 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 23 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 25 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học | 28 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 29 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 32 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 34 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 35 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 37 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | 40 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh** | 40 |
| **Mở đầu** | 40 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 41 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 43 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 47 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 50 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | 52 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 52 |
| **Mở đầu** | 52 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | 53 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 54 |
| Tiêu chí 3.3: Khối hành chính – quản trị | 56 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 58 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 60 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 62 |
| ***Kết luận về tiêu chuẩn 3*** | 63 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 64 |
| Mở đầu | 64 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 65 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 67 |
| *Kết luận về tiêu chuẩn 4* | 70 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | 71 |
| Mở đầu | 71 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông | 71 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. | 74 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định | 76 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | 78 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh | 81 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục | 84 |
| ***Kết luận về tiêu chuẩn 5*** | 88 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 89 |
| Phần VI. PHỤ LỤC | 91 |

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

**1. Kết quả đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | x | x | --- |
| Tiêu chí 1.3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | x | x | --- |
| Tiêu chí 1.8 |  | x | x | --- |
| Tiêu chí 1.9 |  | x | x | --- |
| Tiêu chí 1.10 |  | x | x | --- |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 2.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | x |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | x | x | --- |
| Tiêu chí 3.5 |  | x | x |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | x | x |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 4.2 |  | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 |  | x | x | --- |
| Tiêu chí 5.4 |  | x | x | --- |
| Tiêu chí 5.5 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 5.6 |  | x | x | x |

**Kết quả:**Đạt Mức 1.

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 1**

# Phần I

# CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ

Tên trước đây (nếu có): Trường Trung học cơ sở Phước Kiển 1

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố Hồ Chí Minh |  | Họ và tên hiệu trưởng | Nguyễn Thị Oanh |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Huyện Nhà Bè |  | Điện thoại | 028 37815655 |
| Xã/phường/thị trấn | Xã Phước Kiển |  | FAX | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Không |  | Website | [www.thcsnguyenvanquy.hcm.edu.vn](http://www.thcsnguyenvanquy.hcm.edu.vn) |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2004 |  | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | x |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| Khối lớp 6 | 7 | 7 | 8 | 5 | 6 |
| Khối lớp 7 | 5 | 7 | 7 | 5 | 5 |
| Khối lớp 8 | 5 | 5 | 8 | 4 | 5 |
| Khối lớp 9 | 5 | 5 | 5 | 4 | 4 |
| **Cộng** | 22 | 24 | 28 | 18 | 20 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | **26** | **28** | **48** | **25** | **25** |  |
| 1 | Phòng học | 22 | 24 | 41(cs1:21, cs2:20) | 21 | 21 |  |
| a | Phòng học kiên cố | 21 | 21 | 41 | 21 | 21 |  |
| b | Phòng học bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 01 | 03 | 00 | 00 | 00 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 04 | 04 | 07(cs1:4, cs2:3) | 04 | 05 |  |
| a | Phòng kiên cố | 04 | 04 | 07 | 04 | 05 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính- quản trị | **04** | **04** | **04** | **04** | **04** |  |
| a | Phòng kiên cố | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| c | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **III** | Thư viện | **01** | **01** | **02** | **01** | **01** |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | **03** | **03** | **03** | **03** | **03** |  |
|  | **Cộng** | **34** | **36** | **57** | **33** | **33** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: (02/2020)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 01 | 00 | 00 | 00 | 00 | 01 |  |
| Giáo viên | 29 | 21 | Mường: 01 | 00 | 02 | 27 |  |
| Nhân viên | 04 | 03 | 00 | 00 | 04 | 00 |  |
| **Cộng:** | 35 | 25 | Mường: 01 | 00 | 06 | 29 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 46 | 50 | 53 | 49 | 38 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2,09 | 2,08 | 1,82 | 2,72 | 1,90 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,07 | 0,05 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 06 | 00 | 08 | 00 | 09 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Tổng số học sinh | 955 | 1016 | 1168 | 748 | 787 |
| *- Nữ* | 463 | 473 | 552 | 352 | 378 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 06 | 06 | 06 | 05 | 05 |
| *- Khối lớp 6* | 301 | 290 | 351 | 222 | 209 |
| *- Khối lớp 7* | 226 | 294 | 304 | 198 | 216 |
| *- Khối lớp 8* | 222 | 220 | 294 | 169 | 194 |
| *- Khối lớp 9* | 206 | 212 | 219 | 159 | 168 |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 301  (Nữ: 138) | 290  (Nữ: 131) | 351  (Nữ: 167) | 222  (Nữ: 100) | 209  (Nữ: 109) |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 955 | 1016 | 1168 | 748 | 787 |
| 4 | Bán trú | 00 | 00 | 150 | 160 | 180 |
| 5 | Nội trú | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 43,4 | 42,3 | 41,7 | 41,5 | 39,3 |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 955  (100%) | 1061 (100%) | 1168 (100%) | 748 (100%) | 787 (100%) |
| *- Nữ* | 463  (100%) | 473 (100%) | 552 (100%) | 352 (100%) | 378 (100%) |
| *- Dân tộc thiểu số* | 06  (100%) | 06  (100%) | 06  (100%) | 05  (100%) | 05  (100%) |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | *Cấp huyện: 17*  *Cấp Thành phố: 09* | *Cấp huyện: 24*  *Cấp Thành phố: 19* | *Cấp huyện: 29*  *Cấp Thành phố: 17* | *Cấp huyện: 21*  *Cấp Thành phố: 09* | *Cấp huyện: 21*  *Cấp Thành phố: 09* |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 01 | 01 | 01 | 01 | 00 |
| *- Nữ* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| *- Dân tộc* | 01  (Khơme) | 01  (Khơme) | 01  (Khơme) | 01  (Khơme) | 01 |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 46 | 53 | 72 | 82 | 45 |

b) Kết quả giáo dục (đối với Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 31,2 (%) | 31,3 (%) | 43,0 (%) | 46,5 (%) | 48,4 (%) |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 49,0 (%) | 48,4 (%) | 46,3 (%) | 42,4 (%) | 40,9 (%) |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình | 18,4 (%) | 19.8 (%) | 10,3 (%) | 11,1 (%) | 10,7 (%) |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 1,4 (%) | 0,5 (%) | 0,4 (%) | 00 (%) | 00 (%) |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 80,0 (%) | 79,8 (%) | 78,8 (%) | 84,4(%) | 90,0 (%) |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 15,9 (%) | 15,7 (%) | 16,8 (%) | 13,8 (%) | 9,9 (%) |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 4,1 (%) | 4,5 (%) | 4,4 (%) | 1,8 (%) | 0,1 (%) |  |

**Phần II**

# TỰ ĐÁNH GIÁ

## **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, giải pháp mang tính lâu dài là xây dựng văn hóa chất lượng giáo dục trong nhà trường; căn cứ Thông tư số 18/2018/TT - BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ đã tiến hành tự đánh giá chất lượng theo các tiêu chuẩn của cấp trung học cơ sở. Quá trình tự đánh giá giúp nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng giáo dục của nhà trường, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn. Ngoài ra, tự đánh giá là động lực làm thay đổi nếp nghĩ và cách làm việc của chính tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Từ đó, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và đưa ra các biện pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường, hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị; xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục phù hợp với xu thế phát triển chung của huyện, thành phố. Đồng thời thực hiện tốt sứ mệnh tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện có dân chủ, kỉ cương, tình thương, trách nhiệm để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, làm cho mọi học sinh đều thấy rằng: “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”.

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Phước Kiển 1 được thành lập từ năm 1970. Qua nhiều năm hoạt động, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ theo Quyết định số 154/QĐ-UB.TC ngày 15 tháng 07 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ được đặt tại địa chỉ 146A Lê Văn Lương, ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có diện tích 3.853,6 m2, với 21 phòng học, số phòng đủ để đáp ứng được yêu cầu cơ bản của việc nâng cao chất lượng giáo dục và đổi mới giáo dục.

Trong những năm gần đây, nhà trường đã khẳng định được uy tín, chất lượng giáo dục. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có năng lực chuyên môn khá vững vàng, năng nổ nhiệt tình trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao, có bề dày kinh nghiệm và tinh thần đoàn kết cao. Năm học 2018-2019, trường có 38 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 100% có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 28 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Chi bộ trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ trực thuộc Đảng bộ xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè gồm 12 Đảng viên. Nhiều năm liền chi bộ được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè đã tạo mọi điều kiện để hầu hết giáo viên bộ môn tham gia tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Cán bộ quản lý nhà trường sẵn sàng đầu tư, đáp ứng yêu cầu vật chất trong khả năng cho phép để các tổ chuyên môn hoạt động tốt.

Các đợt tự bồi dưỡng thường xuyên, học nâng chuẩn, sinh hoạt chuyên môn, thao giảng, dự giờ góp phần nâng cao về trình độ văn hoá và chuyên môn cho giáo viên.

Cha mẹ của học sinh ý thức hơn đến việc học của con em mình, đã có những tác động tích cực đến việc học của học sinh yếu, giúp các em có nhiều tiến bộ vượt bậc trong học tập.

Chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn quan tâm sâu sát, kịp thời hỗ trợ nhà trường tháo gỡ những khó khăn.

Các năm học trước đến nay, trường đều có giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện và đạt được thành tích. Cụ thể, giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện năm học 2014 - 2015: 06 giáo viên, năm học 2016 - 2017: 08 giáo viên (trong đó có 01giáo viên đạt giải Viên phấn vàng), năm học 2018 - 2019: 09 giáo viên (trong đó có 01giáo viên đạt giải Viên phấn vàng). Tỉ lệ học sinh giỏi cấp huyện, Thành phố ổn định; tỷ lệ đạt tốt nghiệp trung học cơ sở luôn đạt 100%; tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá - giỏi cuối năm học đạt hơn 80%, hạnh kiểm khá - tốt đạt từ 95% trở lên.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường nhằm biết mình đang ở cấp độ nào. Uy tín của nhà trường với cha mẹ học sinh, địa phương, nhân dân với ngành đến đâu. Từ đó biết rõ thực trạng chất lượng giáo dục của trường để giải trình với các cơ quan chức năng, cơ quan cấp trên và đăng ký kiểm định chất lượng để được công nhận theo quy định.

Tự đánh giá là một bước quan trọng trong quá trình kiểm định chất lượng giáo dục.

Bản báo cáo tự đánh giá này là một văn bản quan trọng để nhà trường cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục cho từng tiêu chí mà kế hoạch đã đề ra.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Tự đánh giá của trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ được thực hiện đúng quy trình mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn theo 7 bước:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.

2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

5. Viết báo cáo tự đánh giá.

6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Thời gian thực hiện:Từ ngày 28 tháng 10 năm 2019 đến 21 tháng 02 năm 2020.

Phạm vi, phương pháp và công cụ đánh giá cơ sở trường bao quát toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí và 06 khoản của điều 22 được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT - BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Từ đó mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng và tự đánh giá theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học, khẩn trương nhưng cẩn trọng. Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã huy động toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng tham gia.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí: Thu thập minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan của nhà trường để viết báo cáo tự đánh giá. Công việc dự kiến các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được Hội đồng xác định và phân công một cách cụ thể, khoa học. Để chủ động về thời gian hoàn thành báo cáo, nhà trường đã lập thời gian biểu để hoàn thành quá trình tự đánh giá. Nhờ đó mà tiến độ làm việc được đảm bảo, chất lượng cũng tương đối hiệu quả. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành viết báo cáo.

Nhà trường đã cơ bản thành công trong công tác tự đánh giá. Đó là sự tập trung trí tuệ cao của cả tập thể. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, của địa phương, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục trong năm học 2019-2020.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

## **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

### **Mở đầu**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ, huyện Nhà Bè đảm bảo đủ về số lượng nhân sự và đồng bộ về chất lượng. Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.

Nhà trường đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; đồng thời đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng trường theo quy định.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoàn thành các nhiệm vụ được phân công. Hiệu trưởng có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các môn học và các hoạt động giáo dục khác theo quy định.

### ***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Luật Giáo dục với các nguồn lực của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và được cấp quản lý trực tiếp phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai dưới hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc đăng tải trên website của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có giải pháp giám sát việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, của từng năm học nhà trường đã hoàn thành “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn từ năm 2014-2018 và định hướng giai đoạn 2018-2023” với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Các mục tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có chỉ số phù hợp với định hướng trong Nghị quyết chi bộ [H1-1.1-03].

Nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với các nguồn lực về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản khác, hình thành nhân cách con người Việt Nam trong thời kì mới; học sinh có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, học trung học chuyên nghiệp, học nghề [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè phê duyệt bằng văn bản vào năm 2014 [H1-1.1-04].

c) Nhà trường thông báo công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường dưới hình thức niêm yết tại các bản tin tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh và đã đăng trên website của trường [www.thcsnguyenvanquy.hcm.edu.vn](http://www.thcsnguyenvanquy.hcm.edu.vn). Tuy nhiên, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được nhiều cha mẹ học sinh quan tâm, ít truy cập vào trang website của trường [H1-1.1-05].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường đều phân công các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển theo kế hoạch chung. Định kỳ đều có biên bản tự kiểm tra và báo cáo cho Hội đồng trường để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế ở những năm sau [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08].

Mức 3:

Từng năm học, nhà trường đều tổ chức rà soát, đối chiếu với các chỉ tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Từ đó, có các biên bản bổ sung, điều chỉnh những nội dung và có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh [H1-1.1-09]; [H1-1.1-10]; [H4-4.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học và phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè cũng như các nguồn lực mà nhà trường hiện có.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được phê duyệt, thông báo công khai và lưu trữ đầy đủ.

**3. Điểm yếu**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được nhiều cha mẹ học sinh quan tâm, ít truy cập vào trang website của trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm kế tiếp, hiệu trưởng tiếp tục thông tin về phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường ngay từ đầu năm học thông qua các buổi họp Hội đồng sư phạm, họp Ban đại diện cha mẹ học sinh, đồng thời đề nghị giáo viên chủ nhiệm giới thiệu trang web của nhà trường đến phụ huynh học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các Hội đồng khác.***

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 839/QĐ-GDĐT ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè [H1-1.2-01]. Ngoài ra nhà trường còn thành lập một số hội đồng khác như: Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở; Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm; Hội đồng xét giáo viên giỏi [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

b) Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định Điều 20 của Thông tư số 12/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.1-09]; [H1-1.1-10].

Hội đồng thi đua khen thưởng gồm: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, thư ký, các tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội. Hội đồng thực hiện việc tổ chức xét duyệt thi đua vào cuối năm học, đồng thời đề nghị tuyên dương khen thưởng những cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.2-09].

Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ tham gia hỗ trợ và kiểm tra hồ sơ học sinh đầu cấp tuyển vào trường [H1-1.2-03].

Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận hoàn thành tốt nghiệp bậc trung học cơ sở cho học sinh lớp 9 [H1-1.2-04].

Hội đồng giám khảo Hội thi giáo viên dạy giỏ cấp trường và Hội đồng thẩm định sáng kiến kinh nghiệm có nhiệm vụ đánh giá tay nghề giáo viên và năng lực của công nhân viên, đẩy mạnh hoạt động của từng cá nhân, phát huy hiệu quả đạt được, đồng thời rút kinh nghiệm các điểm còn hạn chế [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

Hằng năm, học sinh có vi phạm nội quy nhà trường nhưng chưa đến mức thành lập hội đồng kỷ luật [H1-1.2-07].

c) Định kỳ các hội đồng đều có rà soát, đánh giá để rút kinh nghiệm qua các buổi họp, phong trào thi đua. Từ đó, có các giải pháp điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả [H1-1.2-10].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác ở các mặt luôn có hiệu quả, thông qua các phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-10]; [H1-1.1-09].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

Hoạt động phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy luôn được đổi mới. Việc giáo dục học sinh luôn được quan tâm nên chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được nâng cao.

**3. Điểm yếu**

Hoạt động rà soát, đánh giá của Hội đồng thi đua đôi khi còn chậm so với tiến độ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ đầu năm học 2019-2020, nhà trường xây dựng kế hoạch thi đua và triển khai thực hiện, rà soát từng học kỳ để có hướng điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Công đoàn trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ gồm 35 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 13 đoàn viên là giáo viên trực thuộc Ban chấp hành Đoàn xã Phước Kiển, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm tất cả học sinh nhà trường chia làm 21 Chi đội [H1-1.3-05]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04];[H1-1.3-01].

b) Các tổ chức hoạt động theo đúng quy định, Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Nghị quyết, Biên bản, Quy chế làm việc. Các tổ chức hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật, góp phần cùng với nhà trường đẩy mạnh các hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh luôn được cấp trên đánh giá cao.

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng đã tham mưu cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình về các mục tiêu, phương hướng và kế hoạch phát triển, các vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính và tài sản; đồng thời thực hiện giám sát các hoạt động của nhà trường theo Nghị quyết của Công đoàn, Nghị quyết Chi đoàn, Nghị quyết Liên đội... [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-05].

c) Hằng tháng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều có sinh hoạt định kỳ, cuối kỳ sơ kết và cuối nhiệm kỳ tổng kết rà soát đánh giá rút kinh nghiệm, đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới; tư vấn cho Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nghị quyết, kế hoạch đề ra [H1-1.3-05]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có Chi bộ trường học gồm 12 đảng viên, trong đó 03 đảng viên nằm trong Chi ủy trực thuộc Đảng bộ xã Phước Kiển hoạt động theo quy định; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ có 04 năm liền được công nhận trong sạch vững mạnh và 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

b) Hằng năm, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và lãnh đạo nhà trường, tổ chức Đoàn, Đội và các tổ chức khác phối hợp với nhau nhằm giáo dục, rèn luyện học sinh không chỉ học tập thật tốt mà còn phải rèn luyện sức khỏe, giáo dục về ý thức giữ gìn vệ sinh cho các em luôn được tổ chức Đoàn, Đội thường xuyên quan tâm cùng với nhà trường thông qua những buổi sinh hoạt chuyên đề, tuyên truyền về cách phòng, chống các căn bệnh thường gặp ở lứa tuổi học sinh [H1-1.3-10]; [H1-1.10-05]; [H5-5.5-01].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2014 đến nay, Chi bộ Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ 04 năm liền được công nhận trong sạch vững mạnh và 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-09].

b) Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác có đóng góp hiệu quả, thường xuyên phối hợp tổ chức cho giáo viên và học sinh các hoạt động trong nhà trường và địa phương nên đạt được Công đoàn vững mạnh; Chi đoàn vững mạnh, Liên đội xuất sắc [H1-1.3-05]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04].

**2**. **Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các tổ chức làm việc có kế hoạch, tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua sôi nổi và hiệu quả, tạo được môi trường sư phạm thân thiện và an toàn, đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định; thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình.

**3. Điểm yếu**

Tuy nhiên, hoạt động của Liên đội qua các hội thi Nghi thức đội cấp huyện hằng năm còn chưa đạt kết quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng phụ trách Đội hằng tuần để tập dợt nghi thức đội. Ngoài ra, trường liên hệ với Hội đồng đội tập huấn thêm cho các em để đạt được kết quả cao hơn ở những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất một chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng do Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè bổ nhiệm [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có 5 tổ chuyên môn bao gồm: Tổ Ngữ văn; tổ Toán-Tin học; tổ Tiếng Anh; tổ Lịch sử-Địa lý-Giáo dục công dân-Thể dục- Mĩ thuật; tổ Vật lý-Hóa học-Sinh học-Âm nhạc-Công nghệ và 01 tổ Văn phòng. Mỗi tổ đều có 01 tổ trưởng, 01 thư ký và các tổ viên được thành lập theo quy định tại Điều 16, 17 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.4-02]; [H1-1.4-04].

c) Vào đầu mỗi năm học, các tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ về thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động khác theo năm học, tháng. Các tổ chuyên môn trong nhà trường bám sát sự chỉ đạo của cấp trên và kế hoạch của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các tổ chuyên môn họp định kỳ 2 lần/tháng [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Hằng năm Tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, định kỳ họp 2 lần/tháng và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định [H1-1.4-10].

Mức 2:

a) Từng học kì, các tổ chuyên môn đều phân công thành viên thực hiện ít nhất một chuyên đề. Đối với tổ ghép có thể hai hoặc ba chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn [H1-1.4-07].

b) Hằng tháng, hằng tuần các hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được Ban giám hiệu nhà trường rà soát, kiểm tra, đánh giá điều chỉnh thông qua sổ kế hoạch và sổ họp tổ bộ môn [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-07]; [H3-3.6-03].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng phối hợp thực hiện các hoạt động chuyên môn đảm bảo về chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Đối với tổ chuyên môn tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động ngoại khóa và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu học sinh. Tổ văn phòng lưu trữ và quản lý hồ sơ sổ sách theo đúng quy định [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-10]; [H1-1.4-11]; [H1-1.4-12].

b) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đều vận dụng các chuyên đề vào quá trình giảng dạy như phương pháp tích hợp, dạy học theo dự án... nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ bộ môn. So với mục tiêu đề ra vẫn còn một vài chuyên đề cần mở rộng phạm vi ứng dụng để mang lại hiệu quả bộ môn hơn [H1-1.4-13]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-14]; [H1-1.4-15].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý đảm bảo được các tiêu chuẩn về trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

Các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học và được vận dụng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giảng dạy và giáo dục học sinh.

**3. Điểm yếu**

Một số tổ chuyên môn chưa thục hiện đúng tiến độ kế hoạch thực hiện các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học.

Các bộ phận tổ văn phòng chưa chủ động trong nhiệm vụ được giao

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, cán bộ quản lý nhà trường sẽ tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc các tổ, bộ phận thực hiện nhiệm vụ hiệu quả cao hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 1.5: Lớp học***

Mức 1:

*a) Có đủ các lớp của cấp học;*

*b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.*

Mức 3:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh.*

**1.** **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các khối lớp từ khối 6 đến khối 9, các lớp của mỗi khối được biên chế từ đầu năm học [H1-1.5-02]; [H1-1.5-04].

b) Theo Điều 15 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường đã tổ chức phân chia học sinh theo lớp. Mỗi lớp đều có thành phần ban cán sự lớp gồm lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng được bầu chọn một cách dân chủ. Trong lớp học sinh được chia thành 04 tổ đến 06 tổ, mỗi tổ có không quá 12 học sinh và có 01 tổ trưởng do học sinh trong tổ bầu ra vào mỗi đầu năm học [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Đó là một tổ chức của học sinh, do học sinh thành lập ở từng lớp, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. Ban cán sự lớp được thành lập theo một quy trình dân chủ và tự nguyện do các em học sinh tự đứng ra tổ chức, tự điều hành và phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính các em [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 2:

Số lớp của trường không quá 45 lớp. Từ năm học 2014-2015 đến nay số lượng học sinh trên lớp chưa đảm bảo theo chuẩn (40 học sinh/lớp) [H1-1.5-01]; [H1-1.5-04].

Mức 3:

Nhà trường đảm bảo được sĩ số lớp và sĩ số học sinh/lớp theo quy định.

Trong năm học 2014-2015, trường có 955 học sinh/22 lớp đạt sĩ số bình quân khoảng 43 học sinh/lớp.

Trong năm học 2015-2016, trường có 1016 học sinh/24 lớp đạt sĩ số bình quân khoảng 42 học sinh/lớp.

Trong năm học 2016-2017, trường có 1168 học sinh/28 lớp đạt sĩ số bình quân khoảng 42 học sinh/lớp.

Trong năm học 2017-2018, trường có 748 học sinh/18 lớp đạt sĩ số bình quân khoảng 42 học sinh/lớp.

Trong năm học 2018-2019, trường có 787 học sinh/20 lớp đạt sĩ số bình quân khoảng 39 học sinh/lớp [H1-1.5-01]; [H1-1.5-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức biên chế lớp và số học sinh/lớp theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**3. Điểm yếu**

Trong năm học, một vài lớp có số học sinh còn vượt qua sĩ số 45 học sinh/lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng đã tham mưu với Chính quyền địa phương; Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè trong việc xây dựng thêm phòng học để đảm bảo số lớp, sĩ số học sinh trong một lớp theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, đạt mức 3.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất, công khai và kiểm tra định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường lưu trữ và bảo quản đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định của Luật lưu trữ. Các hồ sơ sổ sách hành chính, chuyên môn được lưu trữ tại văn phòng, quản lý tài chính và tài sản tại bộ phận kế toán, các chứng từ thu chi và thanh toán trong năm cũng được lưu trữ và bảo quản khoa học theo đúng nguyên tắc tài chính [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.8-01].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản nhà nước đúng theo quy định. Bộ phận tài vụ thực hiện công tác tự kiểm tra và công khai tài chính định kỳ. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng và được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế theo các quy định hiện hành [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

c) Hằng năm, bộ phận tài chính, các tổ chuyên môn tham mưu với hiệu trưởng việc đề xuất mua sắm, sửa chữa thiết bị giáo dục, cơ sở vật chất đúng danh mục để đáp ứng tốt cho hoạt động giáo dục của nhà trường cụ thể là: mua sách tham khảo, máy tính phục vụ cho việc học và tra cứu thông tin của học sinh, giáo viên; làm lưới che mát; sửa chữa nhà vệ sinh; mua ti vi, máy chiếu phục vụ cho đổi mới phương pháp dạy học, kỹ năng sống. Qua đó, hiệu trưởng kiểm tra, phê duyệt đề xuất của các bộ phận để quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ hoạt động giáo dục [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.4-06]; [H1-1.6-07].

Mức 2:

a) Nhà trường sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên (EPMIS); phần mềm IMAS 2018 quản lý tài chính, quản lí tài sản nhà nước, phần mềm báo cáo thuế và báo cáo bảo hiểm xã hội; website hệ thống thông tin Quảng Ích, website cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, website chuyển trường của Sở Giáo dục và Đào tạo, website trường học kết nối của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

b) Trong 05 năm liên tiếp nhà trường không vi phạm đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-02]; [H1-1.6-10]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-11].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng cụ thể kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để huy động sự đóng góp hiệu quả của các cá nhân, tổ chức mạnh thường quân để tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

Nhà trường thực hiện tốt công khai tài chính.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để huy động sự đóng góp hiệu quả của các cá nhân, đơn vị, mạnh thường quân.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng chỉ đạo cho nhân viên kế toán phải xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Nhân viên kế toán phải tham mưu với hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn thiết thực để huy động được các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương trình Hội đồng trường lấy ý kiến.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như các khóa bồi dưỡng trong hè; học trung cấp chính trị, học nâng cao ngoại ngữ, tin học; học chuẩn chức danh nghề nghiệp và các hoạt động bồi dưỡng của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh [H1-1.7-01].

b) Nhà trường đã phân công và sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo năng lực và sở trường công tác của từng cá nhân. Vì thế, chất lượng các hoạt động giáo dục của trường đạt hiệu quả cao [H1-1.4-11]; [H1-1.7-02]; [H1-1.8-06]; [H1-1.7-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền như: Các chế độ chính sách theo quy chế chi tiêu nội bộ, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Điều 32 của điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các văn bản hiện hành khác [H1-1.1-10]; [H1-1.7-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và cơ sở vật chất để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy hết năng lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Cụ thể: Mỗi tổ bộ môn đều được trang bị máy tính, máy in để thực hiện trong việc soạn, báo cáo, xây dựng kế hoạch; sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, hỗ trợ kinh phí để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp, trung cấp chính trị, sau đại học. Ngoài ra, còn có chế độ khen thưởng giáo viên học tập tốt. Tuy nhiên, giáo viên Tiếng Anh chưa đạt được trình độ B2 theo khung tham chiếu châu Âu [H1-1.7-06]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-02]; [H1-1.3-05]; [H1-1.4-14].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm, tạo điều kiện để giáo viên tham gia học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để cải thiện chất lượng giáo dục. Phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý và đảm bảo các hoạt động của nhà trường.

Các cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Công tác bồi dưỡng của giáo viên Tiếng Anh chưa đạt hiệu quả. Giáo viên Tiếng Anh chưa đạt được yêu cầu trình độ B2 theo khung tham chiếu châu Âu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bằng cách yêu cầu giáo viên tích cực dự giờ học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, tham gia tốt việc dự các chuyên đề; đề cử giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của ngành để nâng cao chuyên môn, tay nghề. Tiếp tục phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên một cách hợp lý theo năng lực, sở trường của giáo viên để đạt được hiệu quả cao trong các hoạt động giáo dục.

Giáo viên Tiếng Anh tích cực nâng cao trình độ chuyên môn để đạt được chứng chỉ B2 theo khung tham chiếu châu Âu, đáp ứng được các hoạt động chuyên môn trong giai đoạn mới. Hiệu trưởng có chế độ hỗ trợ kinh phí, khen thưởng và đánh giá thi đua hằng quý để giáo viên Tiếng Anh có động lực đạt được chứng chỉ B2.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được xây dựng trên định hướng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè và điều kiện thực tế của địa phương phù hợp với quy định hiện hành như: Tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo thời gian quy định theo phân phối chương trình; các hoạt động ngoại khóa, dạy kỹ năng sống phù hợp với học sinh, đảm bảo thời gian và kiến thức dạy học trong và ngoài nhà trường nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới [H1-1.8-06].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã tổ chức thực hiện đầy đủ như: Kế hoạch đổi mới dạy học, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, kế hoạch ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, kỹ năng sống, giáo dục địa phương, kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp...[H1-1.8-06]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-09]; [H5-5.1-04].

c) Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời theo tiến độ qua các buổi họp định kì [H1-1.8-06]; [H1-1.8-02]; [H1-1.2-08]; [H1-1.8-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-14]; [H1-1.8-04]; [H1-1.7-02]; [H1-1.1-10]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

Cán bộ quản lý triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường thông qua các bộ phận kiểm tra đánh giá hoạt động và điều chỉnh kịp thời của ban kiểm tra nội bộ. Hoạt động chuyên môn trong nhà trường qua các năm được bộ phận chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.4-09]; [H1-1.4-12].

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra nội bộ. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học ở một vài giáo viên còn hạn chế. [H1-1.8-05].

Trường thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nên không có hoạt động dạy thêm [H1-1.8-06]; [H5-5.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch được triển khai đến các tổ, bộ phận để thực hiện và định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với thực tế nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Việc đổi mới phương pháp dạy học của một vài giáo viên còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng tổ chức chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học tại đơn vị và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy của các giáo viên.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đều tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan tới các hoạt động của nhà trường theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 03 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, việc đóng góp ý kiến của một số giáo viên còn mang tính cá nhân, chưa tập trung để xây dựng nền nếp kỷ cương của đơn vị [H1–1.7–06].

b) Nhận thức rõ vai trò của việc giải quyết các khiếu nại tố cáo, kiến nghị phản ánh nên Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ luôn thực hiện theo đúng quy trình. Nhà trường xây dựng quy chế tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, thành lập tổ tiếp công dân. Nhà trường thông báo lịch tiếp công dân đến phụ huynh, giáo viên, học sinh và ban hành nội quy tiếp công dân để giải quyết khiếu nại, tố cáo... Mỗi tuần, Hiệu trưởng nhà trường luôn dành ra một buổi để tiếp công dân, thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp dân, luôn tạo điều kiện thuận lợi để công dân tham gia trình bày ý kiến bản thân và luôn giải thích phù hợp nên không xảy ra khiếu nại, tố cáo trong trường học [H1-1.9-01].

c) Thông qua các ý kiến đóng góp từ các cá nhân, bộ phận, đoàn thể từ các cuộc họp nhằm phát huy dân chủ trong cơ quan. Từ đó, nhà trường thực hiện báo cáo quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ [H1-1.7-05]; [H1-1.3-05].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường, việc kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các phiên họp định kỳ của nhà trường và hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.9-02]; [H1-1.7-05]; [H1-1.3-05].

**2. Điểm mạnh**

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường luôn được thực hiện tốt. Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn công khai các văn bản ban hành hoặc công khai tài chính được niêm yết tại đơn vị của cơ quan trong thời gian 30 ngày liên tục.

**3. Điểm yếu**

Việc đóng góp ý kiến của một số giáo viên còn mang tính cá nhân, chưa tập trung để xây dựng nền nếp kỷ cương của đơn vị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, Chủ tịch Công đoàn tuyên truyền việc thực hiện quy chế dân chủ, động viên công đoàn viên phát biểu ý kiến tập trung vào các kế hoạch của nhà trường nhằm hướng đến xây dựng nhà trường ngày càng phát triển tốt hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; an toàn, phòng chống cháy, nổ; an toàn, phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn của xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; nhà trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ, quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học cho các em học sinh. Đồng thời, giáo dục cho học sinh hiểu, vận dụng vào cuộc sống như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; an toàn, phòng chống cháy nổ; an toàn, phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn của xã hội và phòng chống bạo lực học đường,nhà trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.8-05]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-06].

b) Nhà trường có trang bị hộp thư góp ý để tại sảnh trường, công khai cho các học sinh biết, có đường dây nóng cung cấp số điện thoại công an, Phòng Giáo dục và Đào tạo, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy để tiếp nhận thông tin của phụ huynh và học sinh, nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh khi có sự cố xảy ra [H1-1.10-03].

Ngoài ra, nhà trường còn có bộ phận tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân để kịp thời xử lý các thông tin, sự việc cần thiết từ học sinh và phụ huynh [H1-1.9-01].

c) Nhà trường không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-04].

Mức 2:

a) Nhà trường đã phối hợp với các ban ngành trong và ngoài nhà trường tổ chức tuyên truyền vào các buổi sinh hoạt dưới cờ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh cùng tìm hiểu và thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ; phòng chống thảm họa thiên tai; phòng chống dịch bệnh; bạo lực học đường; ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường [H1-1.10-05].

b) Nhà trường đã tăng cường các biện pháp giáo dục học sinh ý thức giữ gìn an ninh trật tự trường học, phòng chống bạo lực học đường. Tuy nhiên, việc nắm bắt xử lý thông tin đôi khi còn chậm trễ dẫn đến xảy ra một số mâu thuẫn giữa các em học sinh nhưng đã được nhà trường phát hiện và xử lý kịp thời [H5-5.5-01].

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, các bộ phận đoàn thể quan tâm theo dõi và giải quyết các vấn đề liên quan đến bạo lực học đường và xử lý theo thông tư đã quy định. Tập huấn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh các biện pháp cứu hộ cứu nạn khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn. Tiếp tục tăng cường đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường [H1-1.10-05].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tuyên truyền đến tập thể sư phạm, đến học sinh về việc phòng cháy chữa cháy, phòng chống xâm hại tình dục, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, bạo lực học đường, ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường nên an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo.

**3. Điểm yếu**

Mặc dù đã thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi nhưng việc nắm bắt xử lý thông tin đôi khi còn chậm trễ dẫn đến xảy ra một số mâu thuẫn giữa các em học sinh nhưng đã được nhà trường phát hiện và xử lý kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội, Chi đoàn thanh niên tổ chức tuyên truyền nội quy của học sinh cùng các quy định khác và giám sát học sinh kịp thời để phát hiện và xử lý không để xảy ra mâu thuẫn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### **Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

**Điểm mạnh nổi bật:** Công tác tổ chức quản lý nhà trường của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ huyện Nhà Bè trong những năm qua được thực hiện chặt chẽ nghiêm túc, đúng quy định. Có cơ cấu tổ chức bộ máy, số lớp, số học sinh theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Chiến lược xây dựng, phát triển nhà trường và định hướng giai đoạn 2018 - 2023 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, được công khai rộng rãi. Thực hiện đầy đủ hồ sơ theo quy định về quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Thực hiện tốt việc công khai tại đơn vị theo đúng hướng dẫn công khai chất lượng giáo dục và tài chính. Tình hình an ninh trật tự, đảm bảo an toàn trường học đã được nhà trường quan tâm và thực hiện tốt.

**Điểm yếu cơ bản:** Số lượng học sinh trên lớp chưa đạt tiêu chuẩn của mức 3, số học sinh trên lớp còn trên 40 học sinh. Việc thực hiện chuyên đề của các tổ bộ môn chưa đồng đều về chất lượng ở một vài giáo viên. Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để huy động sự đóng góp hiệu quả của các cá nhân, đơn vị, mạnh thường quân.

Ở tiêu chuẩn 1, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 09/10 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 01/05 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 1: 00/10 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 2: 01/10 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 3: 04/05 tiêu chí

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

### **Mở đầu:**

Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường là lực lượng giáo dục quan trọng có tính chất quyết định hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường. Hoạt động của mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Cán bộ quản l‎‎ý có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy và tư vấn cho đội ngũ trên tất cả mọi lĩnh vực, tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Nhiều thầy cô đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, có uy tín với học sinh và nhân dân địa phương.

Nội bộ nhà trường đoàn kết, đồng thuận cao và không ngừng phát triển. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

Học sinh đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

### ***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

*a) Đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong nhà trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm được đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng nhà trường tốt nghiệp Thạc sĩ Văn học Việt Nam, tốt nghiệp Trung cấp Quản lý giáo dục; có thâm niên 19 năm công tác. Từ năm 2000 đến năm 2006 là giáo viên công tác tại Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng, từ năm 2006 đến năm 2012 là chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè, từ năm 2012 đến tháng 7 năm 2018 làm phó hiệu trưởng Trường Trung học sơ sở Lê Văn Hưu, từ tháng 8 năm 2018 đến nay làm hiệu trưởng Trường Trung học sơ sở Nguyễn Văn Quỳ.

Phó hiệu trưởng nhà trường tốt nghiệp Đại học – chuyên ngành Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp, thâm niên công tác 14 năm. Từ năm 2005 đến năm 2010 là giáo viên trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng, từ năm 2010 đến năm 2012 làm phó hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng, từ năm 2012 đến năm 2017 công tác tại Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp huyện Nhà Bè, từ tháng 1 năm 2018 đến nay làm phó hiệu trưởng Trường Trung học sơ sở Nguyễn Văn Quỳ [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường được tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cũng như chuyên môn và được đánh giá đạt chuẩn theo quy định [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Cụ thể: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng hiệu trưởng Trung học cơ sở (năm 2011) và lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên năm 2016. Năm 2019, hiệu trưởng có bằng Thạc sĩ Văn học Việt Nam [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng nhà trường được bổ nhiệm từ ngày 01tháng 8 năm 2018 nên chưa có đánh giá 02 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Cụ thể: Hiệu trưởng có bằng trung cấp chính trị quản lý hành chính nhà nước. Hằng năm, hiệu trưởng đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị trong hè. Cuối năm học, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều được giáo viên, nhân viên nhận xét, đánh giá quá trình công tác trong năm; kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đều đạt tỉ lệ tín nhiệm từ 90% trở lên [H2-2.1-01]; [H2-2.1-03].

Mức 3:

Hiệu trưởng được bổ nhiệm công tác chưa đủ 5 năm nên chưa đạt điều kiện 5 năm liên tiếp đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.[H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng nhà trường có trình độ Thạc sĩ, phó hiệu trưởng có trình độ Đại học và đang học Thạc sĩ; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng theo yêu cầu của ngành.

**3**. **Điểm yếu**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng do mới tiếp nhận nhiệm vụ tại đơn vị nên trong công tác còn gặp vài khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, theo đúng chuẩn. Thường xuyên dự giờ giáo viên, dự họp các tổ giúp thực hiện tốt công tác quản lí và điều hành công việc của nhà trường đạt hiệu quả hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

*a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên;*

*c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính tới thời* *điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp của giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Trường có 01 giáo viên kiêm Tổng phụ trách đội đã có bằng D [H2-2.2-01]; [H1-1.7-03].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-2.2-01].

c) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt (hoàn thành nhiệm vụ) trở lên [H2-2.2-02].

Cụ thể, kết quả đánh giá chuẩn giáo viên hằng năm theo Thông tư số 30/2017/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Xuất sắc** | **Khá** | **Trung bình** | **Chưa đạt** | **Kém** |
| 2014-2015 | 13/33  (39,4%) | 17/33  (51,5%) | 1/33  (3,3%) | (Không đánh giá 02 GV) | 0 |
| 2015-2016 | 16/39  (41%) | 17/39  (66,3%) | 2/39  (5,1%) | (Không đánh giá 04 GV) | 0 |
| 2016-2017 | 16/40  (40%) | 22/40  (55%) | 0 | (Không đánh giá 02 GV) | 0 |
| 2017-2018 | 13/31  (42%) | 14/31  (45,2%) | 0 | (Không đánh giá 04 GV) | 0 |
| 2018-2019 | 20/30  (66,7%) | 10/30  (33,3%) | 0 | 0 | 0 |

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Cụ thể tỉ lệ giáo viên trên chuẩn của nhà trường như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số lượng GV trên chuẩn** | **Tỉ lệ % GV trên chuẩn** |
| 2014-2015 | 24/33 | 72,7% |
| 2015-2016 | 29/39 | 74,4% |
| 2016-2017 | 32/40 | 80,0% |
| 2017-2018 | 27/31 | 87,1% |
| 2018-2019 | 27/30 | 90,0% |

Như vậy, trường có 100% giáo viên đều ở mức đạt chuẩn trở lên [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02]; [H1-1.2-08].

c) Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm lồng ghép trong các tiết học như: Tổ chức cho học sinh làm thí nghiệm, thực hành môn Sinh, môn Hóa, đo đạc trong các tiết Toán, thực hành trong các tiết Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ; trải nghiệm trong trường như: Trồng cây, bón phân, làm cỏ, chăm sóc cây trồng, cắm hoa...; trải nghiệm thực hành kĩ năng phòng cháy chữa cháy dưới sân cờ... Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm như: Viếng nhà tưởng niệm liệt sĩ, tham quan học tập tại Thảo cầm viên, về nguồn Rạch Gầm - Xoài Mút, trải nghiệm trồng rau tại Khu nông nghiệp cao Củ Chi [H2-2.2-03].

Giáo viên có khả năng định hướng nghề nghiệp, phân luồng nghề nghiệp sau tốt nghiệp trung học sơ sở. Hằng năm, giáo viên chủ nhiệm lớp 9 đều dạy các tiết hướng nghiệp, phối hợp với các trường nghề tổ chức các buổi tuyên truyền, phân tích, định hướng cho học sinh và phụ huynh chọn lựa đúng hướng đi cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Tỉ lệ phân luồng qua nghề của trường qua các năm như sau:

Năm học 2014-2015: 29/206 (14,08%)

Năm học 2015-2016: 35/212 (16,51%)

Năm học 2016-2017: 38/219 (17,35%)

Năm học 2017-2018: 40/159 (25,16%)

Năm học 2018-2019: 45/168 (26,79%)

[H2-2.2-03]; [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06]

Hằng năm, trường đều có giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Kết quả có đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh đạt giải cấp huyện, cấp thành phố. Tuy nhiên, số lượng giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học còn chưa nhiều [H2-2.2-07]; [H2-2.2-08].

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh** | **Số đề tài đạt giải cấp thành phố** |
| 2014-2015 | 6 | 00 |
| 2015-2016 | 8 | 02 |
| 2016-2017 | 5 | 00 |
| 2017-2018 | 5 | 01 |
| 2018-2019 | 5 | 01 |

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-02].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá tỉ lệ giáo viên của nhà trường đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên là 91,33%; trong đó tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn ở mức xuất sắc đạt từ 45,09% trở lên [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đều có giáo viên báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học [H2-2.2-07]; [H2-2.2-08].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo từ đạt chuẩn trở lên, có năng lực chuyên môn cao, kinh nghiệm, nhiệt tình và nắm bắt tinh thần bộ môn tốt, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học. Số lượng giáo viên của nhà trường đạt trình độ trên chuẩn cao hơn so với quy định.

**3. Điểm yếu**

Số lượng giáo viên tham gia hướng dẫn cho học sinh nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng đưa chế độ khen thưởng đối với giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học đạt giải cao cấp thành phố trong quy chế chi tiêu nội bộ. Trong năm học nhà trường sẽ giao chỉ tiêu cụ thể cho giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

Phân công cho giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu đạt giải cao cấp thành phố ở các năm trước tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm hướng dẫn học sinh nghiên cứu đạt kết quả để các giáo viên khác học hỏi phương pháp và kinh nghiệm.

**5. Tự đánh giá**: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công việc phù hợp với đúng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) và phân công như sau:

Nhà trường có 01 nhân viên hợp đồng văn thư kiêm nhiệm công nghệ thông tin, 01 nhân viên hợp đồng kế toán, 01 nhân viên hợp đồng y tế kiêm nhiệm thủ quỹ, 01 nhân viên hợp đồng biên chế thư viện - thiết bị [H1-1.7-03].

b) Nhân viên nhà trường được phân công việc phù hợp với đúng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người. Nhân viên thư viện có bằng trung cấp nghiệp vụ thư viện và đang học nâng cao. Nhân viên văn thư kiêm nhiệm công nghệ thông tin có trình độ đại học Điện tử viễn thông và chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ phụ trách công tác văn thư và mảng công nghệ thông tin của trường. Nhân viên kế toán có bằng trung cấp kế toán và đang học đại học kế toán. Nhân viên y tế có bằng trung cấp y tế [H2-2.2-01]; [H2-2.3-01].

c) Nhân viên trong nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Nhân viên văn thư làm tốt nghiệp vụ, báo cáo kịp thời. Nhân viên kế toán quản lý về tài chính không sai sót, báo cáo cập nhật kịp thời thu chi hằng tháng, hằng quý, hằng năm. Nhân viên y tế làm tốt công tác tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh cho học sinh, giáo viên trong trường; được cơ quan y tế cấp trên đánh giá tốt. Nhân viên thư viện sắp xếp các kệ sách, tổ chức các buổi giới thiệu sách báo, thu hút học sinh đến thư viện đọc sách, tìm tài liệu. Nhân viên thư viện, thiết bị kết hợp với các giáo viên phụ trách các phòng thực hành Vật lý – Công nghệ, Hóa học – Sinh học, phòng Lab, phòng Tin học làm tốt mảng hồ sơ sổ sách, lau dọn và chuẩn bị đồ dùng thí nghiệm [H1-1.2-08]; [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) nhà trường đảm bảo đủ định mức [H2-2.2-01]; [H1-1.7-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-08]; [H2-2.3-01].

Mức 3:

a) Nhân viên văn thư có bằng đại học Điện tử viễn thông và chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ đáp ứng được vị trí việc làm, nhân viên kế toán có bằng trung cấp kế toán đang học lên đại học, nhân viên y tế có bằng trung cấp y tế, nhân viên thư viện có bằng trung cấp nghiệp vụ thư viện và đang học nâng cao nên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Đối với nhân viên bảo vệ đã có 01 trong 03 người được bồi dưỡng về nghiệp vụ [H2-2.2-01].

b) Hằng năm, các nhân viên kế toán, y tế, văn thư, thư viện, bảo vệ đều được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H2-2.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường đã bố trí đủ nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm theo vị trí việc làm để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ. Đa số nhân viên đều có trình độ chuẩn và trên chuẩn làm tốt nhiệm vụ được giao.

Nhiều nhân viên hoạt động tích cực, nhiệt tình, dành thời gian và công sức cho công việc, có kinh nghiệm, phối hợp tốt giữa các bộ phận để đảm bảo tiến trình và kế hoạch toàn trường.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên hợp đồng thường xuyên biến động qua các năm nên công tác còn gặp nhiều khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng nhà trường tham mưu cho Phòng Nội vụ huyện Nhà Bè, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè tổ chức xét tuyển nhân viên ở các vị trí còn thiếu.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh***

Mức 1:

*a) Đảm bảo đúng theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường trung học và các quyền quy định khác.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tất cả học sinh của nhà trường đều đảm bảo đúng theo quy định về tuổi học sinh cấp trung học cơ sở theo Điều 37 của Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Học sinh biết kính trọng cha mẹ, cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành pháp luật của Nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền phong, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tham gia các công tác xã hội như: Bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Học sinh có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường [H1-1.5-02]; [H2-2.4-01].

c) Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như: Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao... Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống. Học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05].

Mức 2:

Còn một vài học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ về học tập như: Giao tiếp với giáo viên chưa chuẩn mực, chưa chấp hành tốt nội quy của nhà trường... Các hành vi này được giáo viên phát hiện kịp thời xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau như: Viết bản tự kiểm, mời phụ huynh trao đổi, giáo dục nhắc nhở; đa số các em đều có sự chuyển biến tích cực, nhận ra lỗi sai và không tái phạm nên trong nhiều năm gần đây nhà trường không có học sinh nào xếp loại hạnh kiểm yếu [H1-1.5-02]; [H1-1.4-14]; [H1-1.2-07].

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh đạt thành tích tốt trong học tập, tham gia tích cực các hoạt động của lớp, của nhà trường. Trong năm học, nhiều học sinh đạt thành tích học sinh giỏi và học sinh tiên tiến, một số học sinh đạt các giải cao trong các kì thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp thành phố [H2-2.4-06]; [H1-1.4-11].

**2. Điểm mạnh**

Học sinh nhà trường được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu; thực hiện các nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác về pháp luật.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn học sinh chưa tự giác thực hiện về nhiệm vụ học tập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, nhà trường tăng cường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, trường, lớp để tuyên truyền, vận động phụ huynh thường xuyên nhắc nhở con em mình trong học tập; Giáo viên chủ nhiệm sẽ quan tâm, nhắc nhở nhiều hơn đến những học sinh học yếu của lớp mình phụ trách; Hiệu trưởng chỉ đạo Tổng phụ trách Đội tổ chức nhiều hoạt động trong và ngoài trường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

### **Kết luận về tiêu chuẩn 2:**

**Điểm mạnh nổi bật:** Nhân sự nhà trường đạt trình độ về đào tạo theo quy định. Cán bộ quản lí làm việc khoa học, đạt hiệu quả khá tốt. Hằng năm, hầu hết giáo viên đều được xếp loại có năng lực chuyên môn từ khá trở lên; không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào vi phạm pháp luật và quy định về đạo đức Nhà giáo. Đa số học sinh đều có ý thức chấp hành tốt Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nội bộ nhà trường đoàn kết; không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật.

**Điểm yếu cơ bản:** Còn một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ về học tập và rèn luyện đạo đức.

Ở tiêu chuẩn 2, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí.

Số tiêu chí không đạt Mức 1: 0/4 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 2: 0/4 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

### **Mở đầu**

Trong các năm học qua, nhà trường đã quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất tại đơn vị, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực cùng tham gia xây dựng cơ sở vật chất trường học và thực hiện mục tiêu giáo dục. Trường có diện tích khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập chưa đảm bảo và đáp ứng theo quy định; khu để xe, khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước được xây dựng đảm bảo vệ sinh môi trường xanh-sạch-đẹp. Ngoài ra, trường có đủ trang thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được quản lý và sử dụng theo quy định. Hằng năm, các thiết bị luôn được mua sắm, sửa chữa, bổ sung đầy đủ.

Phòng học, phòng thực hành, phòng máy tính, phòng bộ môn … luôn được quản lý chu đáo, đảm bảo tốt hoạt động giảng dạy, thực hành bộ môn.

### ***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập***

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh;*

*c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

*Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.*

Mức 3:

*Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khuôn viên nhà trường với diện tích: 3.853,6 m2, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè cấp. Nhà trường đã xây dựng được môi trường xanh-sạch-đẹp có bồn hoa, có lưới lan che mát bảo đảm thoáng mát cho học sinh [H3-3.1-01].

b) Trường có tường xây, biển tên trường đạt theo tiêu chuẩn của Điều lệ trường, hàng rào kiên cố bao quanh trường đảm bảo an toàn cho khuôn viên trường [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

c) Nhà trường có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường để học sinh vui chơi, sân có lưới lan che mát, ghế ngồi. Tuy nhiên diện tích sân chơi của học sinh còn nhỏ nên việc luyện tập thể dục thể thao cho học sinh học tập còn hạn chế [H3-3.1-01].

Mức 2:

Nhà trường chưa có khu vực riêng biệt cho môn Thể dục, chưa đáp ứng đủ nhu cầu luyện tập của học sinh [H3-3.1-03]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Trường thuộc khu vực nông thôn, diện tích bình quân 4,4m2/ học sinh chưa đạt yêu cầu, không có khu tập luyện thể dục thể thao [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Khuôn viên trường sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh môi trường học tập của học sinh.

**3. Điểm yếu**

Trường có diện tích khuôn viên nhỏ, sân chơi chưa đáp ứng đủ nhu cầu vui chơi của học sinh. Ngoài ra, trường chưa có phòng tập đa năng, thiết bị tập luyện thể dục thể thao chưa đồng bộ, còn thiếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện để có nguồn kinh phí xây dựng các hạng mục cần thiết nhằm phục vụ cho việc vui chơi và học tập của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

### ***Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập***

Mức 1:

*a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

*b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

*c) Có phòng hoạt động Đoàn-Đội, thư viện-thiết bị và phòng truyền thống.*

Mức 2:

*a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

*Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường đảm bảo đủ phòng học 2 buổi/ngày (21 lớp/21 phòng). Phòng học có đủ bàn ghế loại 02 chỗ ngồi phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế [H3-3.2-01].

b) Nhà trường có 05 phòng bộ môn: 01 phòng thực hành Vật lý - Công nghệ, 01 phòng thực hành Hóa học - Sinh học, 02 phòng thực hành Tin học, 01 phòng Lab [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

c) Nhà trường có 01 phòng hoạt động Đoàn-Đội, 01 phòng Thư viện, 01 phòng Truyền thống [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 2

a) Phòng học được xây dựng với diện tích 48 m2, phòng bộ môn có 05 phòng gồm: 01 phòng thực hành Vật lý - Công nghệ diện tích 96 m2, 01 phòng thực hành Hóa học - Sinh học diện tích 96 m2, 01 phòng thực hành Tin học diện tích 96 m2 và 01 phòng thực hành Tin học diện tích 48 m2, 01 phòng Lab diện tích 96 m2, 01 phòng hỗ trợ dành cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Tuy nhiên, diện tích các phòng học, phòng bộ môn chưa đạt chuẩn, chưa đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh. Các phòng học ở tầng trệt đang xuống cấp và thường xuyên bị ngập nước khi mưa lớn hay triều cường cao [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.1-03].

b) Nhà trường có 01 phòng Thư viện-thiết bị, 02 phòng Bộ môn, 02 phòng vi tính, 01 phòng Lab, 01 phòng hỗ trợ dành cho học sinh khuyết tật học hòa nhập đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường theo quy định [H3-3.1-03].

Mức 3:

Nhà trường đã trang bị đầy đủ thiết bị dạy học, đảm bảo đủ đồ dùng dạy học tối thiểu cho tất cả bộ môn. Mỗi phòng học đều có trang bị bàn ghế, bảng, quạt, đèn chiếu sáng, hệ thống loa. Đặc biệt có 11 phòng học được trang bị ti vi có kết nối internet [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các phòng học sạch sẽ, khang trang, trang bị đầy đủ đèn quạt; các thiết bị dạy học, thoáng mát, đáp ứng yêu cầu các hoạt động dạy và học của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Diện tích các phòng bộ môn chưa đạt chuẩn, số phòng bộ môn còn hoạt động ghép nên hiệu quả chưa cao. Hiện tại, các phòng học ở tầng trệt đang bị xuống cấp, thường xuyên bị ngập nước khi mưa lớn hay triều cường cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè và chủ động tìm nguồn kinh phí để tăng cường sửa chữa, cải tạo các phòng học đã xuống cấp, bổ sung thêm trang thiết bị dạy học để nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 1

### ***Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị***

Mức 1:

*a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

*c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

*Khối hành chính - quản trị theo quy định, khu bếp ăn, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

Mức 3:

*Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 phòng Công Đoàn-Đoàn-Đội, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng học vụ, 01 phòng giáo viên, 01 phòng truyền thống được trang bị các thiết bị điện tử, có kết nối internet [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.3-01].

b) Nhà trường có 2 khu để xe: 01 khu để xe khách và xe giáo viên - nhân viên, 01 khu để xe học sinh. Khu để xe vừa được cải tạo, bố trí hợp lý, có nền xi măng bằng phẳng, rộng rãi, có mái che nắng mưa vững chắc nằm ở gần cổng ra vào, đảm bảo an toàn, trật tự, không gây tiếng ồn ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy của nhà trường [H3-3.1-03].

c) Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị: Nâng nền sân trường, sơn tường, sửa chữa nhà vệ sinh, bảo trì thiết bị máy tính... [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02]; [H3-3.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng Y tế, 01 phòng Bảo vệ, 01 phòng Học vụ theo quy định. Trường có khu bếp ăn, nhà ăn đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.4-06]; [H1-1.6-02]; [H1-1.10-06]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ trang thiết bị như: Máy tính, máy in, bàn làm việc... được sắp xếp khoa học, hợp lí, đảm bảo điều kiện làm việc. Tuy nhiên, phòng Văn thư - Học vụ chung với phòng Họp giáo viên nên còn khó khăn trong việc sắp xếp lưu trữ hồ sơ. Phòng tiếp công dân chung với phòng Thư viện nên còn khó khăn trong việc tiếp công dân [H1-1.4-06]; [H1-1.4-14]; [H1-1.6-02]; [H3-3.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính quản trị theo quy định và được trang bị hệ thống máy tính, có máy in đáp ứng cho công tác quản lí, giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Các phòng thuộc khối hành chính-quản trị chưa sắp xếp hợp lý, khoa học nhằm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè trong việc xây dựng mở rộng khu hành chính mới để đáp ứng cho các công việc nhà trường được thuận lợi hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam và nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 03 khu vệ sinh cho học sinh nam, 03 khu vệ sinh cho học sinh nữ (trong đó mỗi khu đều có 01 phòng dành cho học sinh khuyết tật học hòa nhập), 02 khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên. Tất cả các khu vệ sinh được xây dựng riêng biệt. Các phòng vệ sinh sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường, đảm bảo cấp đủ nước, an toàn thuận tiện cho giáo viên và học sinh [H3-3.1-03].

b) Nhà trường sử dụng nước sạch của Công ty cấp nước Nhà Bè để sinh hoạt, hợp đồng cung cấp nước uống đóng bình của Công ty Sài Gòn Xanh cho học sinh và giáo viên-nhân viên sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh [H3-3.4-01].

Hệ thống thoát nước được cải tạo lại đảm bảo vệ sinh môi trường phục vụ cho hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn bị ngập nước mỗi khi triều cường lên cao kết hợp với mưa lớn [H3-3.1-03].

c) Nhà trường có 02 nhân viên phục vụ hằng ngày quét dọn, thu gom rác, đảm bảo môi trường học tập và làm việc sạch đẹp. Đồng thời, nhà trường có hợp đồng với tổ thu gom rác của Công ty Dịch vụ Công ích huyện Nhà Bè đến thu gom đảm bảo vệ sinh môi trường [H1-1.4-06]; [H3-3.1-03]; [H3-3.4-02].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ, thoáng mát đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.3-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

Sử dụng nguồn nước uống từ công ty cấp nước có đủ điều kiện cung cấp nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6-1: 2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai.

Sử dụng nguồn nước sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước sinh hoạt.

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực căn tin, nhà vệ sinh.

Có hợp đồng thu gom rác với Công ty Dịch vụ Công ích huyện Nhà Bè có đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt theo quy định.

Thùng rác có thiết kế gồm 02 loại thùng rác riêng biệt, có nắp đậy được bố trí hợp lý trên khuôn viên trường để học sinh thuận tiện trong việc để rác đúng nơi quy định và đúng loại chất thải.

Khu tập trung rác thải được bố trí xa với phòng học, khối hành chính, nằm cách biệt, có lối ra vào riêng.

Việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác trong trường được thực hiện đúng theo quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

**2. Điểm mạnh**

Hệ thống thoát nước và các khu vệ sinh đã được cải tạo đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng cho học sinh. Nguồn nước sinh hoạt và nguồn nước uống đảm bảo chất lượng. Khu vực xung quanh trường lớp sạch sẽ.

**3. Điểm yếu**

Sân trường vẫn còn bị ngập nước mỗi khi triều cường lên cao kết hợp với mưa lớn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển nâng cấp sân trường trong dự án nông thôn mới để không bị ngập nước mỗi khi triều cường lên cao kết hợp với mưa lớn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm, các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng máy tính, máy in, máy photo… phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

b) Các thiết bị dạy học tối thiểu từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 được trang bị đầy đủ và bổ sung hàng năm theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

c) Hằng năm, mỗi tổ đều có thực hiện kiểm kê, đề xuất kinh phí mua và sửa chữa thiết bị dạy học [H1-1.4-05]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-07]; [H3-3.5-01].

Mức 2:

a) Tất cả các phòng hành chính - quản trị, phòng học, phòng bộ môn đều có hệ thống máy tính được kết nối internet, phủ wifi toàn trường [H3-3.5-03]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-02].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Thiết bị dạy học, tranh ảnh, băng đĩa, giá vẽ tranh, các dụng cụ vẽ, đàn organ, dụng cụ thể thao như: Cầu, vợt, đệm nhảy, sào, bàn đạp, dây,… được sắp xếp, trưng bày, cất giữ tại phòng học bộ môn và kho thiết bị [H3-3.2-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-02].

c) Hằng năm, các tổ chuyên môn đều tiến hành kiểm kê, đánh giá thực trạng đồ dùng dạy học. Từ đó, đề xuất kinh phí mua sắm thiết bị dạy học còn thiếu hoặc đề xuất sửa chữa thiết bị hư hỏng, mua nguyên liệu, dụng cụ để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-01]; [H3-3.5-04]; [H1-1.6-02]; [H1-1.4-05]; [H1-1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường có trang bị 02 bảng tương tác, 01 tivi thông minh và 11 tivi có kết nối internet ở các lớp học để phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giảng dạy của giáo viên. Ngoài ra, giáo viên còn tự làm thêm các dụng cụ dạy học. Tuy nhiên, số lượng các thiết bị bảng tương tác, tivi còn thiếu [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.7-02]; [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

**2. Điểm mạnh**

Các thiết bị được bố trí hợp lý, sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, đầy đủ phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Số lượng thiết bị bảng tương tác, tivi còn thiếu nên chưa đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng đẩy mạnh công tác xã hội hóa và đề xuất Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè mua sắm và trang bị thêm các thiết bị để đáp ứng cho công tác dạy và học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của Thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Phòng Thư viện có diện tích 120 m2 khang trang, sạch sẽ, chia làm 2 phòng: Phòng đọc sách và kho sách. Thư viện có các loại báo, tạp chí theo danh mục Bộ Giáo dục và Đào tạo, các loại sách, tài liệu, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa, phục vụ cho việc nghiên cứu học tập của cán bộ - quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Thư viện có đầy đủ các loại sổ sách theo quy định: Sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo…[H3-3.1-03]; [H3-3.3-01]; [H3-3.6-01].

b) Nhân viên thư viện lên lịch mở cửa phục vụ bạn đọc vào các ngày trong tuần. Mỗi tháng, thư viện có kế hoạch giới thiệu sách. Phòng Thư viện có bàn đọc sách cho học sinh, thoáng mát, sạch sẽ.

Phòng Thư viện có 04 máy vi tính được kết nối internet cho học sinh và giáo viên nghiên cứu và tìm hiểu thêm thông tin trên mạng [H3-3.6-01].

c) Hằng năm, có kiểm kê, bổ sung sách, mua báo Thiếu nhi, báo Nhân dân, Sài gòn Giải Phóng, mua bổ sung tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa đáp ứng yêu cầu cho học sinh học và việc dạy của giáo viên [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.6-03].

Mức 2:

Trong 5 năm vừa qua thư viện nhà trường được đánh giá xếp loại là Thư viện đạt chuẩn [H3-3.6-03].

Mức 3:

Thư viện được trang bị 04 máy tính có kết nối internet để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H3-3.6-01]; [H3-3.6-03], [H3-3.6-04];.

**2. Điểm mạnh**

Phòng thư viện khang trang, sạch sẽ. Hằng năm, đều có bổ sung sách, truyện cho học sinh, bổ sung sách tham khảo đầy đủ cho giáo viên.

**3. Điểm yếu**

Diện tích phòng đọc sách còn nhỏ so với tiêu chuẩn quy định nên hạn chế không gian cho các em đọc sách vào giờ ra chơi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, nhà trường sẽ xây dựng thêm thư viện xanh để phát triển văn hóa đọc cho học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### **Kết luận về tiêu chuẩn 3**

**Điểm mạnh nổi bật:** Cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh - sạch - đẹp và thoáng mát. Đảm bảo đầy đủ các phòng học bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập. Các phòng học và phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị nhằm phục vụ tốt cho hoạt động của học sinh, giáo viên và nhân viên.

Phòng thư viện khang trang, sạch sẽ. Hằng năm, đều có bổ sung sách, truyện cho học sinh, bổ sung sách tham khảo cho giáo viên.

**Điểm yếu cơ bản:** Nhà trường chưa có khu tập luyện thể dục thể thao. Các thiết bị ở các phòng thí nghiệm đã cũ nhưng chưa được trang bị mới các thiết bị hiện đại hơn.

Ở tiêu chuẩn 3, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 4/6 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 0/5 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 1: 0/6 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 2: 2/6 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 3: 5/5 tiêu chí

### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

### **Mở đầu:**

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội luôn đóng vai trò quan trọng góp phần giáo dục học sinh một cách toàn diện và hiệu quả. Hiện tại ở Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ, mối quan hệ này đã và đang được phát huy tích cực. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đúng điều lệ, tích cực hỗ trợ nhà trường giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, vận động học sinh ra lớp. Đồng thời, nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; phối hợp với các tổ chức, đoàn thể bên ngoài nhà trường; huy động và sử dụng tương đối hiệu quả các nguồn lực đóng góp của xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ được giao, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ huyện Nhà Bè phối hợp với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh. Trong những năm tiếp theo, nhà trường tổ chức tuyên truyền hướng dẫn, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm giáo dục trẻ. Thông qua đó nhằm giúp học sinh ý thức tự giác học tập, rèn luyện đạo đức để xứng đáng là con ngoan, trò giỏi.

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển nhà trường để hướng tới trường đạt chuẩn quốc gia trong việc xây dựng nông thôn mới.

### ***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục: Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, trong phiên họp phụ huynh, các lớp bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh trong đó có trưởng ban và phó ban. Các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp là những người nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn, nhà trường và đại diện cho cha mẹ học sinh trong lớp thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh.

Thông qua Đại hội cha mẹ học sinh của các lớp được tổ chức, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã được thành lập theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè, hoạt động theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Các nội dung thảo luận, thống nhất trong Ban đại diện cha mẹ học sinh được ghi trong biên bản cuộc họp [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa ba môi trường gia đình-nhà trường-xã hội trong việc huy động học sinh đến trường, vận động học sinh có nguy cơ bỏ học trở lại lớp. Đồng thời, nhà trường cũng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh qua các phiên họp cha mẹ học sinh[H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Hằng năm, nhà trường tổ chức các cuộc họp đột xuất và họp định kỳ vào đầu năm, sau học kỳ 1 và cuối năm học để trao đổi với phụ huynh về công tác giáo dục học sinh. Đồng thời tiếp thu các ý kiến đóng góp về công tác quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện giải quyết các kiến nghị hợp lý của cha mẹ học sinh. Các kế hoạch hoạt động được tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Ngoài ra, Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ cơ sở vật chất cho nhà trường như: Trang bị lưới lan để che nắng cho học sinh, trang bị thêm hệ thống quạt, tivi ở các lớp học, khen thưởng học sinh tiên tiến; kinh phí tham gia các kì thi Văn hay chữ tốt, Lớn lên cùng sách, văn nghệ, Khéo tay kĩ thuật ... Hỗ trợ học sinh tham gia các hội thi cấp huyện, cấp thành phố [H1-1.1-10]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Ban đại diện cha mẹ học sinh hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh của các khối lớp. Đồng thời, phối hợp cùng với nhà trường trong việc huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện về an toàn giao thông [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung họp cha mẹ học sinh trong năm học; tham gia giáo dục đạo đức học sinh, bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, vận động học sinh bỏ học tiếp tục trở lại học tập, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đồng đều giữa các lớp. Một vài thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa nắm rõ nội dung hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và chưa có nhiều thời gian để hỗ trợ nên hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh chỉ dừng lại việc họp cùng với Ban đại diện của trường và triển khai đến cha mẹ tại lớp, khả năng tuyên truyền còn hạn chế [H1-1.1-10]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-06]; [H4-4.1-07].

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, các thành viên hoạt động tích cực, nhiệt tình và dành thời gian, công sức cho việc vận động học sinh ra lớp, giáo dục các em học sinh, giúp đỡ, hỗ trợ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**3. Điểm yếu**

Một vài thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp hoạt động còn hạn chế về thời gian.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả hơn theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Khuyến khích cha mẹ học sinh các lớp bầu chọn các phụ huynh có điều kiện về thời gian để tham gia hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

*a) Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,...);*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn hợp pháp của các tổ chức cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, ủy ban nhân dân xã và huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất để phát triển nhà trường theo kế hoạch năm học [H1-1.1-10]; [H1-1.10-01].

b) Trong các phiên họp với cha mẹ học sinh, với ban ngành, đoàn thể ở địa phương, nhà trường luôn tuyên truyền nội dung về đổi mới phương pháp dạy học, về các biện pháp phối hợp quản lý và giáo dục học sinh giữa gia đình, nhà trường và địa phương, đồng thời tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh cùng tham gia các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề ngoại khóa... góp phần tăng cường sự hiểu biết của cộng đồng về nhà trường và cùng chung tay thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện [H1-1.3-10]; [H1-1.10-05]; [H4-4.2-05].

c) Nhà trường huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ nhà trường khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hằng năm, nhà trường còn nhận được sự tài trợ của các mạnh thường quân trong việc trao học bổng cho học sinh. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực tự nguyện, công tác xã hội hóa từ cha mẹ học sinh còn hạn chế do tình hình kinh tế tại địa phương, đời sống của người dân ở xã Phước Kiển còn nhiều khó khăn [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H4-4.1-07]; [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Hằng năm, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc duy trì sĩ số, huy động học sinh ra lớp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Tham mưu với địa phương về cơ sở vật chất hướng tới mục tiêu trường đạt chuẩn quốc gia[H1-1.10-01]; [H4-4.2-04]; [H4-4.1-04]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động xã hội; tham quan học tập tại các khu di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa ở địa phương (Nhà truyền thống huyện Nhà Bè, viếng mộ liệt sĩ Nguyễn Văn Quỳ). Phối hợp với Hội Cựu chiến binh trong việc tuyên truyền ngày Quân đội Nhân dân Việt Nam. Qua đó giúp học sinh hiểu và tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc; các em sẽ ra sức cố gắng học tập để xây dựng đất nước ngày càng phát triển hơn [H1-1.3-10];[H4-4.2-07].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương đạt được giấy công nhận danh hiệu “ Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”. [H1-1.1-10]; [H1-1.10-02]; [H4-4.2-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tham mưu các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục của nhà trường; Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,…).

**3. Điểm yếu**

Công tác xã hội hóa của nhà trường còn hạn chế do tình hình kinh tế và đời sống của một bộ phận người dân ở xã Phước Kiển còn nhiều khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phối hợp với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương và Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền, vận động để thực hiện tốt hơn công tác xã hội hóa giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

### **Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

**Điểm mạnh nổi bật:** Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động đúng theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, các thành viên hoạt động tích cực, nhiệt tình, dành thời gian và công sức cho công tác vận động học sinh ra lớp, cùng đồng hành với nhà trường trong các hoạt động như giúp đỡ hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh.

**Điểm yếu cơ bản:** Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh chỉ dừng lại ở nhiệm vụ hỗ trợ cho trường. Ở một số lớp, việc huy động sự hỗ trợ từ cha mẹ học sinh còn hạn chế vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn phải vất vả mưu sinh không dành nhiều thời gian cho việc học tập của con em.

Ở tiêu chuẩn 4, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí

Số tiêu chí đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 1: 0/2 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 2: 0/2 tiêu chí

Số tiêu chí không đạt Mức 3: 0/2 tiêu chí

### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo** **dục**

### **Mở đầu**

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ huyện Nhà Bètổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Nhà trường thực hiện tốt công tác giáo dục địa phương. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém cũng được nhà trường quan tâm thực hiện. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cũng được nhà trường thường xuyên tổ chức giảng dạy, lồng ghép trong tiết học của bộ môn, các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp. Trường đã tổ chức giáo dục toàn diện cho học sinh một cách linh hoạt và hiệu quả.

### ***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông***

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

*c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian của năm học, học kỳ I học 19 tuần, học kỳ II học 18 tuần; tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục như kỹ năng sống, trải nghiệm sáng tạo... đảm bảo mục tiêu giáo dục. Tất cả các giáo viên đều xây dựng và thực hiện theo kế hoạch giảng dạy theo đúng phân phối chương trình [H1-1.4-03]; [H1-1.8-06]; [H1-1.8-02]; [H1-1.1-10]; [H1-1.4-04].

b) Hằng năm, hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên đã bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

##### c) Nhà trường có các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh đảm bảo khách quan và hiệu quả. Thông qua các buổi họp tổ chuyên môn định kỳ, các thành viên trong tổ thống nhất hình thức tổ chức, nội dung kiến thức kiểm tra, đề kiểm tra thực hiện theo cấu trúc: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao, vận dụng các kiến thức lí thuyết vào giải quyết thực tế. Sau đó, tổ trưởng nộp đề kiểm tra về cho cán bộ quản lý phê duyệt trước khi kiểm tra, đánh giá học sinh. Từ đó, các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức hình thức thay thế cột điểm kiểm tra bằng hoạt động trải nghiệm cho nhiều học sinh [H1-1.4-04]; [H1-1.4-14]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Mức 2:

a) Định kỳ, cán bộ quản lý kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên qua sổ đầu bài, sổ báo giảng, dự giờ và qua kiểm tra tập của học sinh để đảm bảo thực hiện đúng chương trình. Nhà trường chỉ đạo các tổ bộ môn phải linh hoạt chương trình giảng dạy, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh giỏi, học sinh yếu… để đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức học sinh thông qua các hoạt động góp ý dự giờ của cán bộ quản lý; phiên họp tổ trưởng chuyên môn, họp sơ kết, họp Hội đồng giáo dục [H1-1.1-10]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.8-06]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

b) Cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, lập danh sách học sinh có năng khiếu học tập tốt ở các bộ môn để đưa vào đội tuyển học sinh giỏi cấp trường và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi cho năm học tiếp theo.

Hằng năm dựa vào kết quả kiểm tra và năng lực học tập của học sinh, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn lập danh sách các học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Từ đó các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch phụ đạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.4-14]; [H5-5.1-04].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường thực hiện các chuyên đề ở các tổ bộ môn, phát động phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, dự giờ đồng nghiệp, dạy học theo cá thể... nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H1-1.2-05]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-13]; [H1-1.4-14]; [H1-1.4-15]; [H3-3.5-05].

**2. Điểm mạnh**

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Hoạt động tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu đã được tổ chức thường xuyên và mang lại hiệu quả cao.

##### 3. Điểm yếu

Hình thức tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường chưa đa dạng.

##### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên tiếp tục dạy học đúng đủ các môn học và các hoạt động giáo dục. Vận dụng tốt các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy.

Nhà trường sẽ thực hiện tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng hơn thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học theo dự án để đánh giá kết quả hoạt động của học sinh.

##### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.*

Mức 2:

*Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được các mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.*

Mức 3:

*Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.*

**1.** **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-04].

b) Ngay từ đầu năm học thông qua việc khảo sát chất lượng đầu năm, giáo viên chủ nhiệm của các lớp nắm bắt từng đối tượng học sinh trong lớp, có kiến nghị với nhà trường cũng như tổ chuyên môn để có kế hoạch phân công giáo viên bồi dưỡng và phụ đạo học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Qua đó, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện vào ngày thứ bảy hằng tuần [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-11]; [H1-1.4-14]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

c) Sau cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học, nhà trường cùng giáo viên chủ nhiệm và các tổ chuyên môn tổ chức sơ kết nhận xét đánh giá học sinh yếu. Từ đó phát hiện những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập để rèn luyện và khen thưởng kịp thời các em học sinh đạt thành tích cao trong các kì thi cấp Quận, Thành phố, các em học sinh có ý thức vượt khó, nỗ lực trong học tập [H1-1.4-11]; [H1-1.4-14]; [H1-1.4-15].

Mức 2:

Thông qua việc dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện của nhà trường được thực hiện một cách thường xuyên và dài hạn nên kết quả giáo dục của học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều đủ điều kiện lên lớp cũng như học sinh có năng khiếu tích cực học tập và đạt kết quả trong các hội thi đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch đề ra [H1-1.4-11]; [H1-1.4-13]; [H1-1.4-14]; [H1-1.4-15]; [H1-1.5-02]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều có học sinh tham dự và đạt thành tích trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố, các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao. Cụ thể: Học sinh đạt huy chương bạc cấp thành phố môn Teakwondo, nhiều huy chương vàng, bạc, đồng trong Hội thi Olympic. [H1-1.4-11]; [H2-2.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt hiệu quả. Kết quả thi học sinh giỏi cấp huyện, thành phố các môn văn hóa đều có học sinh đạt giải cao.

##### 3. Điểm yếu

Số lượng học sinh giỏi khối 9 đạt giải cấp thành phố thì chưa có đều ở các môn dự thi qua các năm.

##### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng chỉ đạo các giáo viên tiếp tục tạo điều kiện giúp đỡ và tổ chức dạy phụ đạo học sinh yếu, giúp đỡ các em gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; Tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn để có thêm điều kiện học tập. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các em có năng khiếu phát huy hết khả năng của mình trong học tập và rèn luyện.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu và cử giáo viên có kinh nghiệm dạy bồi dưỡng để các em có đủ năng lực tham gia các hội thi cấp huyện, cấp thành phố đạt hiệu quả.

##### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định***

Mức 1:

*a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*

*b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả*

*c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

*Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu địa phương của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đối với các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí góp phần đảm bảo mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn cuộc sống, giáo dục địa phương [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức cho học sinh tham quan nhà bia tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ tại Huyện, các ngành nghề tại địa phương để các em có cảm nhận viết bài thu hoạch, chức các hội thi trắc nghiệm, sưu tầm hình ảnh, tư liệu bài viết về lịch sử địa phương… Kết quả thực hiện được giáo viên đánh giá công khai trước lớp, thu hút được nhiều học sinh tham gia [H1-1.4-04]; [H5-5.3-03]; [H1-1.5-04]; [H1-1.4-03].

##### c) Mỗi năm học, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu mới thiết thực với tình hình thực tế của xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè để điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp trong giảng dạy. Tuy nhiên, tư liệu về chương trình giáo dục địa phương còn ít, chưa phong phú và đa dạng, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên chất lượng và hiệu quả chưa cao [H5-5.3-03]; [H5-5.3-02]; [H1-1.4-11].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham quan hoạt động các ngành của khu công nghiệp Hiệp Phước giúp các em hiểu biết thêm về tình hình phát triển kinh tế của địa phương. Tổ chức tham quan Nhà truyền thống huyện Nhà Bè, viếng mộ liệt sĩ Nguyễn Văn Quỳ... giúp các em hiểu biết sâu sắc hơn về mảnh đất, con người, truyền thống đấu tranh và những di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng của quê hương. Từ đó, cổ vũ các em nâng cao ý thức, rèn đức, luyện tài xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp [H2-2.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết giảng dạy đảm bảo theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các hình thức tổ chức giảng dạy đa dạng gắn với thực tiễn tạo hứng thú cho học sinh.

##### 3. Điểm yếu

Tư liệu về chương trình giáo dục địa phương còn ít, chưa phong phú và đa dạng, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên chất lượng và hiệu quả chưa cao.

##### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương tập trung nội dung chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn kết hợp việc dạy học trên lớp với hướng dẫn học sinh tổ chức tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, ngoại khóa nhằm tạo hứng thú học tập, nâng cao hiểu biết về văn hóa, lịch sử, địa lí và các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương để vừa làm phong phú nội dung học, vừa hình thành ở học sinh phương pháp tìm hiểu văn học, lịch sử, địa lí địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*

*b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*

*c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với học sinh và đạt kết quả thiết thực;*

*b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện tiết hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có thể thực hiện ở học kỳ 1 hoặc học kỳ 2 tùy theo đặc thù của bộ môn [H2-2.2-04].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch của từng môn cụ thể như sau:

Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm các môn học tại trường như: Tiết học tại thư viện, học sinh tự chế biến các món ăn, câu lạc bộ Robot, thuyết trình về địa phương và tham gia nói chuyện với người nước ngoài, thực hành đo đạc tính toán diện tích sân chơi của trường. Ngoài ra, nhà trường còn tiến hành tổ chức tiết học ngoài nhà trường như: Tham quan hoạt động các ngành của khu công nghiệp Hiệp Phước, tổ chức tham quan Nhà truyền thống huyện Nhà Bè, học tập tiết học ngoài nhà trường trải nghiệm môn Sinh tại Thảo Cầm Viên, học tập tại khu di tích lịch sử Rạch Gầm - Xoài Mút, tham gia hội thi Robot, trải nghiệm tại Khu nông nghiệp công nghệ cao Củ Chi… Tuy nhiên, hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường của một số bộ môn chưa được học sinh tham gia đầy đủ [H2-2.2-03]

Nhà trường tổ chức thực hiện hoạt động hướng nghiệp theo kế hoạch cụ thể, tập huấn công tác hướng nghiệp cho giáo viên chủ nhiệm và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh khối 9. Đồng thời phối hợp với các trường cao đẳng, trung cấp giáo dục hướng nghiệp như: Trung tâm dạy nghề Nhà Bè, Trường giao thông vận tải đường thủy II, Trường Cao đẳng kinh tế - kĩ thuật Thành phố Hồ Chí Minh... để tư vấn hướng nghiệp các ngành nghề cho học sinh khối 9 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giúp các em định hướng được nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở [H5-5.4-01]; [H2-2.2-04].

c) Hiệu trưởng nhà trường có phân công cụ thể giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.5-02]; [H5-5.4-02]; [H2-2.2-05].

Mức 2:

a) Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm các môn học tại trường như: Tiết học tại thư viện, vẽ tranh, học sinh tự chế biến các món ăn, câu lạc bộ Robot, thuyết trình về địa phương, thực hành đo đạc tính toán diện tích sân chơi của trường. Ngoài ra, nhà trường còn tiến hành tổ chức tiết học ngoài nhà trường như: Học tập tham quan hoạt động các ngành của Khu công nghiệp Hiệp Phước, tổ chức tham quan Nhà truyền thống huyện Nhà Bè... Thông qua các hoạt động trải nghiệm, học sinh có tinh thần học tập cao, được động viên khích lệ kịp thời, được tôn trọng và đánh giá thực chất khả năng học tập của mình. Các em học sinh vận dụng tốt kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giúp các em hiểu rõ vấn đề, nội dung được học nên chất lượng các bài kiểm tra được nâng cao. Cha mẹ học sinh có ý thức trách nhiệm và quan tâm đến việc học tập của con em mình ngày càng tốt hơn.

Hoạt động hướng nghiệp: Nhà trường phối hợp với các trường cao đẳng, trung cấp nghề tư vấn nghề nghiệp cho học sinh, tổ chức cho các em tham quan các khu công nghiệp, các trường dạy nghề... Từ thực tế đó, học sinh dễ dàng hiểu được yêu cầu của mỗi nghề nghiệp đồng thời kết hợp với thấu hiểu năng lực của bản thân để chủ động lựa chọn, đưa ra quyết định nghề nghiệp đúng đắn, giúp các em có định hướng, chọn lựa nghề nghiệp phù hợp cho tương lai. Hằng năm, nhà trường đều có tỷ lệ học sinh lớp 9 sang học các trường nghề đạt chỉ tiêu kế hoạch giáo dục đã đề ra [H5-5.4-02]; [H2-2.2-03]; [H2-2.2-06].

b) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát và đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, rút kinh nghiệm trong quá trình tiến hành [H5-5.4-02]; [H2-2.2-03]; [H1-1.4-14].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của nhà trường.

Nhà trường đã phối hợp tốt với các trường cao đẳng, trung cấp đào tạo nghề tư vấn, định hướng nghề nghiệpgiúp học sinh xác định được việc học tập chương trình phổ thông hoặc học nghề sau tốt nghiệp Trung học cơ sở.

**3. Điểm yếu**

Hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường của một số bộ môn chưa được học sinh tham gia đầy đủ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác hoạt động trải nghiệm để các em được tham gia vào hoạt động trải nghiệm thực tế. Huy động nguồn tài trợ, xã hội hóa giáo dục để tạo đủ nguồn kinh phí tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh được tham gia nhiều hơn theo từng đợt phù hợp với từng bộ môn.

Giáo viên chủ nhiệm tuyên truyền, phân tích vai trò quan trọng cũng như những giá trị, ý nghĩa của các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đến phụ huynh học sinh trong phiên họp cha mẹ học sinh đầu năm học. Từ đó, cha mẹ các em có sự chủ động hỗ trợ, phối hợp tốt với nhà trường để tạo điều kiện khuyến khích các em tham gia đầy đủ hơn.

Trong mỗi năm học, bộ phận phụ trách hướng nghiệp của trường tiếp tục phối hợp tốt với trường cao đẳng, trung cấp tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, giáo dục nghề cho học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;*

*b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;*

*c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.*

Mức 2:

*a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

*b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3:

*Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường đã tổ chức giáo dục các kỹ năng giao tiếp thiết yếu cho học sinh như: biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, không nói tục, chửi thề, đánh nhau, giữ gìn vệ sinh môi trường, không vi phạm luật giao thông, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh được lồng ghép trong các môn học và các hoạt động ngoại khóa, các chuyên đề. Hằng năm, học sinh được giáo dục kỹ năng sống thông qua các chương trình chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp. Tổ chức các buổi tuyên truyền về sức khỏe, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn giao thông… tạo cho học sinh phong cách sống lành mạnh, an toàn [H5-5.5-01].

b) Ngoài việc lồng ghép vào các môn học hằng ngày, hoạt động ngoài giờ lên lớp là một trong những con đường giáo dục có hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật dưới sân cờ để trang bị những kiến thức pháp luật có liên quan đến đời sống, học tập của học sinh góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; mời báo cáo viên tuyên truyền luật giao thông cho học sinh để từ đó giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, cách tự phòng tránh tai nạn giao thông. Đặc biệt, các em đã hưởng ứng tốt việc chấp hành luật giao thông và tham gia thi An toàn giao thông đạt kết quả cao.Nhà trường tổ chức tuyên truyền phòng chống thiên tai rủi ro cho học sinh để giúp các em phòng chống đuối nước và các tai nạn thương tích khác; mời báo cáo viên tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy chữa cháy thoát nạn khi xảy ra cháy nhằm nâng cao sự hiểu biết, ý thức, kỹ năng phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn cho học sinh... [H5-5.5-01]; [H1-1.3-10]; [H5-5.5-02]; [H1-1.8-06]; [H5-5.5-03].

c) Xây dựng và hoàn thiện các quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau, nhà trường thường xuyên tổ chức "Kể chuyện về Bác Hồ" vào các buổi sinh hoạt đầu tuần; tổ chức cho các em đi tham quan các di tích lịch sử ở địa phương, tham gia các hoạt động dọn vệ sinh bảo vệ môi trường, tổ chức các hoạt động quyên góp ủng hộ bạn có hoàn cảnh khó khăn... Đồng thời, xây dựng tinh thần chia sẻ, ý thức trách nhiệm cho các em. Việc chú trọng giáo dục kỹ năng sống của nhà trường thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy kỹ năng sống theo các chủ đề khác nhau để giúp học sinh hình thành và phát triển tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, học sinh nỗ lực tiếp thu bài giảng và tìm tòi những kiến thức liên quan đến bài học để liên hệ áp dụng vào thực tiễn. Qua đó, phát huy tình cảm thái độ ứng xử của học sinh phù hợp với những truyền thống văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, một số học sinh chưa nhạy bén thích ứng, hòa nhập tốt trong giao tiếp xã hội [H5-5.5-04]; [H5-5.5-03].

Mức 2:

a) Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, học sinh sẽ tự hình thành kỹ năng tự kiểm tra đánh giá: Xác định được mục tiêu, nội dung bài học; xác định các nội dung liên quan trong các tài liệu tham khảo, tái hiện những kiến thức liên quan đã được nghe giảng; xây dựng dàn ý bài học; làm bài tập theo yêu cầu; dự kiến các câu hỏi và trả lời; trình bày trước nhóm (lớp), trao đổi thảo luận với bạn bè; kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp [H5-5.5-04]; [H1-1.5-04].

b) Học sinh biết cách giao tiếp ứng xử biết điều chỉnh, quản lý cảm xúc trong môi trường học đường, với bố mẹ, người lớn tuổi; có thể tự phục vụ bản thân trong cuộc sống, biết quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả [H5-5.5-04]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, một số học sinh bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ còn ít [H1-1.4-14]; [H2-2.2-07]; [H2-2.2-08].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ sở vật chất và điều kiện để dạy kỹ năng sống thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các các môn học trên lớp, trong các hoạt động ngoại khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ điểm hằng tháng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch của nhà trường.

Học sinh được giáo dục về kỹ năng sống thông qua học tập trong các chương trình chính khoá và rèn luyện trong các hoạt động xã hội theo kế hoạch của nhà trường.

Nhà trường có đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp thành phố.

**3. Điểm yếu**

Số học sinh tham gia nghiên cứu khoa học của trường còn ít.

Một số học sinh chưa nhạy bén thích ứng, hòa nhập tốt trong giao tiếp xã hội.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, cán bộ quản lý, giáo viên phối kết hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội đoàn thể trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh tốt hơn về kỹ năng sống phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa Việt Nam.

Hiệu trưởng sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí thường xuyên, xã hội hóa để hỗ trợ giáo viên và học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu.

Trong mỗi năm học, hiệu trưởng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nêu gương, khen thưởng nhằm tạo động lực cho giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí: 5.6: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

*Tỷ lệ học sinh giỏi xếp loại giỏi của trường thuộc vào vùng khó khăn: Đạt ít nhất 5% đối với Trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), Trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

*Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vào vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

*Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vào vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với Trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với Trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

*Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vào vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

*Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vào vùng khó khăn: Không quá 10% đối với Trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và Trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

*Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vào vùng còn lại: Không quá 5% đối với Trường Trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và Trường Trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

*Đối với trường có lớp tiểu học: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp Tiểu học;*

*Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với Trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), Trường trung học phổ thông (hoặc cấp Trung học cơ sở), Trường trung học phổ thông (hoặc cấp Trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.*

*b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:*

*Vùng khó khăn: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;*

*Các vùng còn lại: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Liên tục 05 năm học qua, nhà trường có chất lượng giáo dục học sinh về học lực, hạnh kiểm đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.5-04]; [H1-1.5-02]; [H1-1.4-15].

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Học lực | | | | Hạnh kiểm | | | |
| Giỏi | Khá | Trung bình | Yếu -kém | Tốt | Khá | Trung bình | Yếu |
| 2014-2015 | 31,2% | 49,0% | 18,4% | 1,4% | 80,0% | 15,9% | 4,1% | 0 |
| 2015-2016 | 31,3% | 48,4% | 19,8% | 0,5% | 79,8% | 15,7% | 4,5% | 0 |
| 2016-2017 | 43,0% | 46,3% | 10,3% | 0,4% | 78,8% | 16,8% | 4,4% | 0 |
| 2017-2018 | 46,5% | 42,4% | 11,1% | 0 | 84,4% | 13,8% | 1,8% | 0 |
| 2018-2019 | 48,4% | 40,9% | 10,7% | 0 | 90,0% | 9,9% | 0,1% | 0 |

b) Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỉ lệ học sinh lên lớp qua các năm bình quân đạt 99,0%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở 100%

c) Hằng năm, nhà trường đều phân công giáo viên có khả năng định hướng nghề nghiệp, phân luồng nghề nghiệp sau trung học cơ sở. Giáo viên chủ nhiệm lớp 9 đều dạy các tiết hướng nghiệp, phối hợp với các trường nghề tổ chức các buổi tuyên truyền, phân tích, định hướng cho học sinh và phụ huynh chọn lựa đúng hướng đi cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở theo học nghề tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề đạt được kế hoạch của nhà trường [H2-2.2-03]; [H2-2.2-06]; [H5-5.4-02]. Cụ thể:

Tỷ lệ phân luồng qua nghề của trường qua các năm như sau:

Năm 2014 - 2015: 14,08 (%)

Năm 2015 - 2016: 16,51 (%)

Năm 2016 - 2017: 17,35 (%)

Năm 2017 - 2018: 25,16 (%)

Năm 2018 - 2019: 26,79 (%)

Mức 2:

a)Từ năm 2014-2015 đến năm 2018-2019, kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực. Năm học 2014-2015: tỉ lệ học sinh giỏi đạt 31,2% , khá đạt 49,0%, hạnh kiểm khá tốt đạt 95,9%. Năm học 2015-2016: tỉ lệ học sinh giỏi đạt 31,3%, khá đạt 84,4%, hạnh kiểm khá tốt đạt 95,5%. Năm học 2016-2017: tỉ lệ học sinh giỏi đạt 43,0%, khá đạt 46,3%, hạnh kiểm khá tốt đạt 95,6%. Năm học 2017-2018: tỉ lệ học sinh giỏi đạt 46,5%, khá đạt 42,4%, hạnh kiểm khá tốt đạt 98,2%. Năm học 2018-2019: tỉ lệ học sinh giỏi đạt 48,4%, khá đạt 40,9%, hạnh kiểm khá tốt đạt 99,9% [H5-5.5-04].

b) Từ năm 2014-2015 đến năm 2018-2019, tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp Trung học cơ sở có chuyển biến tích cực. Năm học 2014-2015, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 99,7%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 100%. Năm học 2015-2016, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 99,9%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 100%. Năm học 2016-2017, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 99,8%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 100%. Năm học 2017-2018, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 100%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 100%. Năm học 2018-2019, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 100%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 100% [H1-1.4-14]; [H1-1.5-04]; [H5-5.6-01].

Mức 3:

a) Nhà trường thực hiện những biện pháp tích cực, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của cha mẹ học sinh, đặc biệt là sự phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện của học sinh. Vì thế, hằng năm, nhà trường có tỷ lệ xếp loại học lực của học sinh toàn trường đạt loại giỏi trên 30%, loại khá trên 40%, loại yếu kém dưới 1,5% [H1-1.4-14]; [H1-1.5-04]; [H1-1.4-15]; [H1-1.5-02]; [H4-4.1-02].

b) Hằng năm, nhà trường có tỷ lệ học sinh lưu ban dưới 1%; tỷ lệ bỏ học dưới 1% [H1-1.4-14]; [H1-1.5-04], cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm học | Tỷ lệ lưu ban | Tỷ lệ bỏ học |
| 2014 - 2015 | 0,94% | 0,7% |
| 2015 - 2016 | 0,10% | 0,2% |
| 2016 - 2017 | 0,17% | 0,4% |
| 2017 - 2018 | 00% | 00% |
| 2018 - 2019 | 00% | 00% |

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường đối với tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp Trung học cơ sở luôn đạt cao. Nhà trường có tỷ lệ học sinh bỏ học ngày càng giảm đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Đa số các giáo viên chủ nhiệm 9 đều kiêm nhiệm làm công tác tư vấn hướng nghiệp nên việc tư vấn học sinh sau Tốt nghiệp Trung học cơ sở chưa đa dạng.

##### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tăng cường công tác phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để giáo dục những học sinh chưa đáp ứng tốt về hạnh kiểm.

Liên hệ phối hợp với các trường nghề thường xuyên mời chuyên gia tư vấn có nhiều kinh nghiệm tổ chức tập huấn cho giáo viên chủ nhiệm 9 để đa dạng các hình thức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

##### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

### **Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

**Điểm mạnh nổi bật:**Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch giáo dục và triển khai tổ chức thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh như: Giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp, ngoại khóa, trải nghiệm, giáo dục địa phương... Chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao, tỉ lệ lưu ban bỏ học giảm, tốt nghiệp Trung học cơ sở luôn đạt 100%; tỉ lệ phân luồng hướng nghiệp nghề đạt chỉ tiêu đề ra. Nhà trường có tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình mỗi năm giảm dần.

**Điểm yếu cơ bản:**Số lượng học sinh giỏi khối 9 cấp thành phố của các bộ môn không đồng đều và số lượng còn ít, chưa ổn định qua các năm, giáo viên kiêm nhiệm tư vấn hướng nghiệp chưa đa dạng hình thức tư vấn.

Ở tiêu chuẩn 5, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ đạt kết quả như sau:

Số tiêu chí đạt Mức 1: 6/6

Số tiêu chí đạt Mức 2: 6/6

Số tiêu chí đạt Mức 3: 4/5

Số tiêu chí không đạt Mức 1: 0/6

Số tiêu chí không đạt Mức 2: 0/6

Số tiêu chí không đạt Mức 3: 1/5

## **Phần III**

## **KẾT LUẬN CHUNG**

Quá trình tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ được thực hiện một cách nghiêm túc, khách quan, được đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá của nhà trường được hoàn thành là thành quả của sự đồng lòng hợp sức của cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng quyết tâm vượt khó khăn hoàn thành nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng giáo dục.

Đối chiếu với kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua, trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 (100%)

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 2: 25/28 (89,28%).

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 3: 09/20 (42,85%).

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/28 (0,0%).

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí không đạt Mức 2: 03/28 (10,75%).

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí không đạt Mức 3: 12/20 (57,14%).

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt Mức 1.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ tính đến thời điểm tháng 10 năm 2019./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Nhà Bè, ngày tháng năm 2020*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Oanh** |

## **Phần IV. PHỤ LỤC**

**Bảng danh mục mã minh chứng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | H1-1.1–01 | Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | Kế hoạch 05 năm 2014-2018  Kế hoạch 05 năm 2018-2022 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | H1-1.1-02 | Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phước Kiển | Số 01-NQ/ĐU ngày 19 tháng 3 năm 2015 | Đảng bộ xã Phước Kiển | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | H1-1.1-03 | Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2015-2017 và nhiệm kỳ 2018-2020 | - Số 01-NQ/NVQ-CB ngày 10 tháng 01 năm 2015.  - Số 12-NQ/NVQ-CB ngày 05 tháng 6 năm 2017  - Số 13-NQ/NVQ-CB ngày 26 tháng11 năm 2019 | Chi bộ Trường Trung học cơ sở Nguyễn văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 4 | H1-1.1-04 | Văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường do Phòng Giáo dục phê duyệt năm | Kế hoạch 05 năm 2014-2018  Kế hoạch 05 năm 2018-2022 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 5 | H1-1.1 -05 | Đường dẫn truy cập vào cổng thông tin điện tử của Cổng thông tin của nhà trường | www.thcsnguyenvanquy.hcm.edu.vn | Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh | Phòng Hành chính |
| 6 | H1-1.1-06 | Kế hoạch kiểm tra giám sát của nhà trường | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 7 | H1-1.1-07 | Biên bản kiểm tra giám sát năm học | Tháng 6/2015  Tháng 6/2016  Tháng 6/2017  Tháng 6/2018  Tháng 6/2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 8 | H1-1.1-08 | Báo cáo kiểm tra giám sát của nhà trường | Tháng 6/2015  Tháng 6/2016  Tháng 6/2017  Tháng 6/2018  Tháng 6/2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 9 | H1-1.1-09 | Biên bản họp hội đồng trường. | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 10 | H1-1.1-10 | Nghị quyết của hội đồng trường | Số 89/NQ-HĐT ngày 21 tháng 9 năm 2014  Số 88/NQ-HĐT ngày 23 tháng 9 năm 2015  Số 90/NQ-HĐT ngày 25 tháng 9 năm 2016  Số 165/NQ-HĐT ngày 26 tháng 9 năm 2017  Số 93/NQ-HĐT ngày 20 tháng 9 năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.2**  **`** | 1 | H1-1.2-01 | Quyết định thành lập hội đồng trường | 839/QĐ-GDĐT ngày 10 tháng 11 năm 2015 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | H1-1.2-02 | Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng | Số: 129/QĐ-NVQ ngày 12 tháng 9 năm 2014  Số: 112/QĐ-NVQ ngày 11 tháng 9 năm 2015  Số: 136/QĐ-NVQ ngày 16 tháng 9 năm 2016  Số: 142/QĐ-NVQ ngày 15 tháng 9 năm 2017  Số: 152/QĐ-NVQ ngày 14 tháng 9 năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| 3 | H1-1.2-03 | Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh | 411/QĐ-PGDĐT ngày 17 tháng 6 năm 2014  349/QĐ-PGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2016  390/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 6 năm 2017  550/QĐ-PGDĐT ngày 11 tháng 6 năm 2018 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè | Phòng Hành chính |
| 4 | H1-1.2-04 | Quyết định thành lập Hội đồng công nhận xét tốt nghiệp Trung học cơ sở | 350/QĐ-PGDĐT ngày 04 tháng 6 năm 2015  328/QĐ-PGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2016  339/QĐ-PGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017  393/QĐ-PGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2018  384/QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2019 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè | Phòng Hành chính |
| 5 | H1-1.2-05 | Quyết định thành lập Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm | 22/QĐ-NVQ ngày 27 tháng 2 năm 2015  25/QĐ-NVQ ngày 28 tháng 2 năm 2016  22/QĐ-NVQ ngày 26 tháng 2 năm 2017  25/QĐ-NVQ ngày 26 tháng 2 năm 2018  12/QĐ-NVQ ngày 08 tháng 01 năm 2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| 6 | H1-1.2-06 | Quyết định thành lập Hội đồng xét giáo viên giỏi | Năm học: 2014-2015  Năm học: 2015-2016  Năm học: 2016-2017  Năm học: 2017-2018  Năm học: 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 7 | H1-1.2-07 | Hồ sơ xử lý học sinh vi phạm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 8 | H1-1.2-08 | Hồ sơ thi đua | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| 9 | H1-1.2-09 | Hồ sơ khen thưởng học sinh, giáo viên | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| 10 | H1-1.2-10 | Báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua | Số:257/BC-NVQ ngày 25 tháng 4 năm 2015  Số:165/BC-NVQ ngày 26 tháng 4 năm 2016  Số:214/BC-NVQ ngày 20 tháng 4 năm 2017  Số:279/BC-NVQ ngày 27 tháng 4 năm 2018  Số:372 /BC-NVQ ngày 20 tháng 4 năm 2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | H1-1.3-01 | Quyết định chuẩn y ban chấp hành Công đoàn | - Số: 68 /QĐ-CĐGD ngày 13 tháng 10 năm 2014  Nhiệm kì 2012-2017  - Số: 49 /QĐ-CĐGD ngày 03 tháng 8 năm 2017  Nhiệm kì 2017-2022 | Công đoàn giáo dục  (Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè ) | Công đoàn |
| 2 | H1-1.3-02 | Hồ sơ Đoàn thanh niên | Nhiệm kì 2014-2016  Nhiệm kì 2017-2019 | Ban chấp hành Chi đoàn trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Đoàn-Đội |
| 3 | H1-1.3-03 | Kế hoạch hoạt động của tổ chức đoàn thể (Đoàn, Đội) | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Đoàn-Đội |
| 4 | H1-1.3-04 | Hồ sơ liên đội | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Liên đội trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Liên đội |
| 5 | H1-1.3-05 | Hồ sơ Công Đoàn | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| 6 | H1-1.3-06 | Quyết định thành lập chuẩn y, công nhận Ban chấp hành, chi ủy, bí thư, phó bí thư | Số 53-QĐ/ĐU ngày 16 tháng 6 năm 2017  Số 67-QĐ/ĐU ngày 04 tháng 11 năm 2017  Số 90-QĐ/ĐU ngày 24 tháng 9 năm 2018  Số 140-QĐ/ĐU ngày 10 tháng 12 năm 2019 | Đảng ủy xã Phước kiển | Phòng Hiệu trưởng |
| 7 | H1-1.3-07 | Báo cáo nhiệm vụ chính trị | Số 196-BC/CB-NVQ ngày 16 tháng 11 năm 2015  Số 02-BC/CB-NVQ ngày 14 tháng 11 năm 2016.  Số 11-BC/CB-NVQ ngày 02 tháng 11 năm 2017Số 194-BC/CB-NVQ ngày 29 tháng 10 năm 2018  Số 14-BC/CB-NVQ ngày 28 tháng 11 năm 2019 | Chi bộ Trường Trung học cơ sở Nguyễn văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 8 | H1-1.3-08 | Sổ họp chi bộ | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Chi bộ Trường Trung học cơ sở Nguyễn văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 9 | H1-1.3-09 | Kết quả xếp loại chi bộ | Số 01-QĐ/ĐU ngày 19 tháng 01 năm 2015  Số 18-QĐ/ĐU ngày 29 tháng 01 năm 2016  Số 33-QĐ/ĐU ngày 20 tháng 01 năm 2017  Số 71-QĐ/ĐU ngày 22 tháng 01 năm 2018  Số 214-BC/ĐU ngày 27 tháng 12 năm 2018 | Đảng ủy xã Phước Kiển | Phòng Hiệu trưởng |
| 10 | H1-1.3-10 | Kế hoạch tuyên truyền | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 11 | H1-1.3-11 | Kế hoạch an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích | Số: 202/KH-NVQ ngày 10 tháng 09 năm 2014  Số: 206/KH-NVQ ngày 15 tháng 9 năm 2014  Số: 200/KH-NVQ ngày 16 tháng 11 năm 2015  Số: 195/KH-NVQ ngày 12 tháng 11 năm 2015  Số: 132/KH-NVQ ngày 19 tháng 9 năm 2016  Số: 26/KH-NVQ ngày 17 tháng 02 năm 2017  Số: 187/KH-NVQ ngày 18 tháng 10 năm 2017  Số: 189/KH-NVQ ngày 18 tháng 10 năm 2017  Số: 172/KH-NVQ ngày 05 tháng 10 năm 2018  Số: 10/KH-NVQ ngày 08 tháng 01 năm 2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Y tế |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | H1-1.4-01 | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 628/QĐ-PGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2018  922/QĐ-PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè | Phòng Hành chính |
| 2 | H1-1.4-02 | Văn bản đề nghị tổ trưởng bộ môn, Tổ văn phòng | 107/ĐN-Tr.NVQ ngày 13 tháng 8 năm 2014  136/ĐN-NVQ ngày 31 tháng 8 năm 2015  134/ĐN-NVQ ngày 22 tháng 9 năm 2016  134/TTr-NVQ ngày 29 tháng 8 năm 2017  143/QĐ-NVQ ngày 01 tháng 9 năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 3 | H1-1.4-03 | Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | H1-1.4-04 | Sổ họp tổ | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 5 | H1-1.4-05 | Biên bản kiểm kê thiết bị | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 6 | H1-1.4-06 | Biên bản tài sản, tài chính | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 7 | H1-1.4-07 | Biên bản đánh giá, nhận xét chuyên đề | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 8 | H1-1.4-08 | Hình ảnh hoạt động tổ bộ môn | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 9 | H1-1.4-09 | Báo cáo sơ kết, tổng kết bộ môn | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 10 | H1-1.4-10 | Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 11 | H1-1.4-11 | Kết quả học sinh tham gia các hội thi | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phó Hiệu trưởng |
| 12 | H1-1.4-12 | Giấy khen tập thể nhà trường | Số: 4623/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2015  Số: 33/ QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016  Số: 33/ QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2017  Số: 4036/ QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2018  Số: 4079 / QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 | Uỷ ban nhân dân Thành phố | Phòng truyền thống |
| 13 | H1-1.4-13 | Các chuyên đề chuyên môn | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 14 | H1-1.4-14 | Báo cáo sơ kết, tổng kết của trường | - Số 74/BC-NVQ ngày 20 tháng 5 năm 2015  - Số 220/BC-NVQ ngày 30 tháng 12 năm 2015  56/BC-NVQ ngày 18 tháng 5 năm 2016  - Số 03/BC-NVQ ngày 05 tháng 01 năm 2017  - Số 92/BC-NVQ ngày 31 tháng 5 năm 2017  - Số 07/BC-NVQ ngày 05 tháng 01 năm 2018  -Số 199/BC-NVQ ngày 29 tháng 10 năm 2018  - Số 09/BC-NVQ ngày 04 tháng 01 năm 2019  - Số 169/BC-NVQ ngày 15 tháng 10 năm 2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 15 | H1-1.4-15 | Bảng tổng hợp học lực hạnh kiểm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | H1-1.5-01 | Sổ đăng bộ | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 2 | H1-1.5-02 | Sổ chủ nhiệm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | H1-1.5-03 | Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | H1-1.5-04 | Sổ gọi tên ghi điểm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | H1-1.6-01 | Sổ công văn đi, đến | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 2 | H1-1.6-02 | Sổ quản lý tài sản | Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng tài vụ |
| 3 | H1-1.6-03 | Thiết bị giáo dục | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 4 | H1-1.6-04 | Biên bản kiểm tra tài chính cấp trên | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Ủy Ban Nhân dân huyện Nhà Bè | Phòng tài vụ |
| 5 | H1-1.6-05 | Quy chế chi tiêu nội bộ | 121/QĐ-NVQ ngày 22 tháng 10 năm 2014  270/QĐ-NVQ ngày 25 tháng 10 năm 2015  165/QĐ-NVQ ngày 26 tháng 10 năm 2016  213/QĐ-NVQ ngày 30 tháng 10 năm 2017  199/QĐ-NVQ ngày 29 tháng 10 năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng tài vụ |
| 6 | H1-1.6-06 | Báo cáo quyết toán | Năm 2015  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng tài vụ |
| 7 | H1-1.6-07 | Biên bản đề xuất mua sắm, sửa chữa | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng thư viện |
| 8 | H1-1.6-08 | Phần mềm Epmis | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè | Phòng Hành chính |
| 9 | H1-1.6-09 | Phần mềm Imas | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Bộ Tài chính | Phòng tài vụ |
| 10 | H1-1.6-10 | Sổ quản lý tài chính | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng tài vụ |
| 11 | H1-1.6-11 | Tờ trình của nhà trường về tài chính, cơ sở vật chất | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chánh |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | H1-1.7-01 | Kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | H1-1.7-02 | Hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | H1-1.7-03 | Bảng phân công nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Tháng 8/2014  Tháng 8/2015  Tháng 8/2016  Tháng 8/2017  Tháng 8/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | H1-1.7-04 | Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng năm | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng tài vụ |
| 5 | H1-1.7-05 | Hồ sơ hội nghị cán bộ, công viên chức hằng năm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| 6 | H1-1.7-06 | Kế hoạch hoạt động năm học của nhà trường | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | H1-1.8-01 | Kế hoạch bộ môn | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | H1-1.8-02 | Kế hoạch cá nhân | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | H1-1.8-03 | Thời khóa biểu | Tháng 8/2014  Tháng 8/2015  Tháng 8/2016  Tháng 8/2017  Tháng 8/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | H1-1.8-04 | Sổ ghi đầu bài | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 5 | H1-1.8-05 | Kế hoạch kiểm tra nội bộ | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng hành chính |
|  | 6 | H1-1.8-06 | Kế hoạch giáo dục của nhà trường | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | H1-1.9-01 | Hồ sơ tiếp công dân | Năm học 2014 2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 2 | H1-1.9-02 | Biên bản kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | H1-1.10-01 | Văn bản tham mưu phối hợp với cơ quan | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 2 | H1-1.10-02 | Giấy công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”; Giấy chứng nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” | - Số: 19/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2016  - Số: 363/TB-BCĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 | Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè. | Phòng Truyền thống |
| 3 | H1-1.10-03 | Hình ảnh hộp thư góp ý, số điện thoại | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 4 | H1-1.10-04 | Các tư liệu tuyên truyền về chủ đề bình đẳng giới, phòng chống về bạo lực xâm hại | - Số 16/KH-NVQ ngày 09 tháng 02 năm 2015  - Số 212/KH-NVQ ngày 05 tháng 11 năm 2015  - Số 32/KH-NVQ ngày 09 tháng 3 năm 2016  - Số 192/KH-NVQ ngày 09 tháng 11 năm 2016  - Số 15/KH-NVQ ngày 06 tháng 02 năm 2017  - Số 182/KH-NVQ ngày 15 tháng 11 năm 2016  - Số: 18/KH-NVQ ngày 29 tháng 01 năm 2018  Số: 214/KH-NVQ ngày 30 tháng 10 năm 2017  - Số: 28/KH-NVQ ngày 16 tháng 01 năm 2019  Ngày 18/03/2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Bộ phận Pháp chế  Phòng y tế |
| 5 | H1-1.10-05 | Các hình ảnh tuyên truyền | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Truyền thống |
| 6 | H1-1.10-06 | Giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực thẩm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh | Căn tin |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | H2-2.1-01 | Hồ sơ cá nhân Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | H2-2.1-02 | Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | H2-2.1-03 | Biên bản bỏ phiếu tín nhiệm, nhận xét cán bộ quản lý hằng năm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | H2-2.2-01 | Bảng thống kê tình hình đội ngũ | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng hành chính |
| 2 | H2-2.2-02 | Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, nhân viên | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | H2-2.2-03 | Hình ảnh học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Truyền thống |
| 4 | H2-2.2-04 | Kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. | Tháng 10/2014  Tháng 10/2015  Tháng 10/2016  Tháng 10/2017  Tháng 10/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 5 | H2-2.2-05 | Danh sách học sinh đi thăm quan các trường nghề. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 6 | H2-2.2-06 | Kết quả phân luồng qua nghề. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 7 | H2-2.2-07 | Hình ảnh học sinh nghiên cứu khoa học. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Truyền thống |
| 8 | H2-2.2-08 | Quyết định hướng dẫn và khen thưởng học sinh nghiên cứu khoa học | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | H2-2.3-01 | Hồ sơ cá nhân của nhân viên, giáo viên. |  |  | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | H2-2.3-02 | Kết quả đánh giá xếp loại các bộ phận y tế, thư viện, thiết bị của cấp trên | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019  Số 2428/QĐ-GDĐT-VP ngày 23 tháng 11 năm 2017 | Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Nhà Bè.  Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh | Phòng Y tế |
| 3 | H2-2.3-03 | Văn bản triệu tập nhân viên tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ | Hệ thống mail nhà trường | - Phòng Nội vụ huyện Nhà Bè  - Phòng Giáo dụcvà Đào tạo huyện Nhà Bè | Phòng Hành chính |
| **Tiêu chí 2.4** | 1 | H2-2.4-01 | Hình ảnh học sinh tập thể dục, tham gia các hoạt động của trường lớp, làm vệ sinh trường lớp và nơi công cộng.... | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Đoàn Đội |
| 2 | H2-2.4-02 | Hồ sơ đối thoại với học sinh | Tháng 01 năm 2015  Tháng 01 năm 2016  Tháng 01 năm 2017  Tháng 01 năm 2018  Tháng 01 năm 2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Đoàn Đội |
| 3 | H2-2.4-03 | Hồ sơ hoạt động của phòng tư vấn tâm lý học sinh | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng tư vấn tâm lí học sinh |
| 4 | H2-2.4-04 | Hình ảnh học sinh sử dụng các thiết bị, tham gia thể dục thể thao, tham gia các hoạt động học tập. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Đoàn Đội |
| 5 | H2-2.4-05 | Kế hoạch hoạt động các câu lạc bộ. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 6 | H2-2.4-06 | Hồ sơ khen thưởng học sinh. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Công đoàn |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | H3-3.1-01 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Bản chính | Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh | Phòng Hiệu trưởng |
| 2 | H3-3.1-02 | Hồ sơ thiết kế xây dựng | Bản sao |  | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | H3-3.1-03 | Các hình ảnh liên quan cơ sở vật chất | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng tài vụ |
| **Tiêu chí 3.2** | 1 | H3-3.2-01 | Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 2 | H3-3.2-02 | Danh mục đồ dùng dạy học tối thiểu | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| **Tiêu chí 3.3** | 1 | H3-3.3-01 | Sơ đồ tổng thể | Bản sao | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng tài vụ |
| **Tiêu chí 3.4** | 1 | H3-3.4-01 | Hợp đồng cung cấp nước uống | Năm 2015  Số: 125/2015/HB  Số: 015/HĐMB ngày 15 tháng 02 năm 2017  Ngày 01 tháng 10 năm 2017  Số: 1508NVQ/HĐCC-2018 ngày 15 tháng 8 năm 2018 | -Công ty TNHH MTV sản xuất nước đá Hòa Bình  -Công ty TNHH MTV sản xuất nước đá Hòa Bình  -Cơ sở sản xuất nước Phương Nhi  -Cơ sở sản xuất nước Phương Nhi  -Công ty TNHH nước uống tinh khiết Sài gòn xanh | Phòng Y tế |
| 2 | H3-3.4-02 | Hợp đồng thu gom rác và vận chuyển | Số: 11091/HĐRCQ ngày 01 tháng 01 năm 2011  Số: 17181/HĐTGRSH ngày 02 tháng 01 năm 2017  Số: 18061/HĐTGRSH ngày 02 tháng 01 năm 2018  Số: 027/2019/HĐ.DVCINB-VS ngày 28 tháng 12 năm 2018 | Công ty TNHH một thành viên dịch vụ công ích Nhà Bè | Phòng Y tế |
| 3 | H3-3.4-03 | Hóa đơn tiền nước hàng tháng | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018  Năm 2019 |  | Phòng tài vụ |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | H3-3.5-01 | Hóa đơn mua, sửa chữa các thiết bị giáo dục | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Qùy | Phòng tài vụ |
| 2 | H3-3.5-02 | Biên bản kiểm kê thư viện | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 3 | H3-3.5-03 | Hợp đồng thanh toán tiền internet hàng tháng của nhà trường | Hàng tháng của năm | Trang cước viễn thông TP | Phòng tài vụ |
| 4 | H3-3.5-04 | Thống kê danh mục thiết bị dạy học do giáo viên tự làm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 5 | H3-3.5-05 | Sổ dự giờ | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | H3-3.6-01 | Sổ quản lý thư viện | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 2 | H3-3.6-02 | Biên bản kiểm kê thư viện | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 3 | H6-3.6-03 | Biên bản đánh giá Thư viện trường học đạt chuẩn | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| 4 | H6-3.6-04 | Báo cáo sơ kết, tổng kết thư viện | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Thư viện |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | H4-4.1-01 | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 2 | H4-4.1-02 | Hồ sơ họp cha mẹ học sinh các lớp | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 3 | H4-4.1-03 | Báo cáo quỹ tài chính của quỹ cha mẹ học sinh. | Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Qùy | Phòng tài vụ |
| 4 | H4-4.1-04 | Biên bản vận động học sinh ra lớp | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 5 | H4-4.1-05 | Hình ảnh hoạt động cha mẹ học sinh. | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 6 | H4-4.1-06 | Biên bản họp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường | Ngày 14 tháng 9 măm 2014  Ngày 18 tháng 01 năm 2015 Ngày 13 tháng 09 năm 2015  Ngày 17 tháng 01 năm 2016  Ngày 15 tháng 10 năm 2016  Ngày 15 tháng 01 năm 2017  Ngày 23 tháng 09 năm 2017  Ngày 24 tháng 01 năm 2018  Ngày 28 tháng 10 năm 2018  Ngày 20 tháng 01 năm 2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hiệu trưởng |
| 7 | H4-4.1-07 | Danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất... | Năm 2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Qùy | Phòng tài vụ |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | H4-4.2-01 | Văn bản tham mưu phối hợp với cơ quan | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 2 | H4-4.2-02 | Báo cáo tổng kết của Đảng ủy | Số 29-BC/ĐU ngày 05 tháng 12 năm 2015  Số 69-BC/ĐU ngày 20 tháng 12 năm 2016  Số 119-BC/ĐU ngày 20 tháng 11 năm 2017  Số 212-BC/ĐU ngày 27 tháng 12 năm 2018 | Đảng ủy xã Phước Kiển | Phòng Hiệu trưởng |
| 3 | H4-4.2-03 | Kế hoạch tuyên truyền |  | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | H4-4.2-04 | Báo cáo học sinh nghỉ bỏ học | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Hành chính |
| 5 | H4-4.2-05 | Danh sách học sinh khó khăn nhận quà | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Đoàn-Đội |
| 6 | H4-4.2-06 | Danh sách học sinh nhận học bổng của xã | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Đoàn-Đội |
| 7 | H4-4.2-07 | Các hình ảnh, tư liệu về các hoạt động lễ hội, sự kiện,... của địa phương được tổ chức tại nhà trường; | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Truyền thống |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | H5-5.1-01 | Trang Web trường học kết nối | Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | H5-5.1-02 | Kế hoạch điều chỉnh chương trình | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | H5-5.1-03 | Biên bản họp giao ban tổ trưởng chuyên môn | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | H5-5.1-04 | Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 5 | H5-5.1-05 | Bảng tổng hợp học lực hạnh kiểm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | H5-5.2-01 | Kế hoạch tổ chức dạy 2 buổi/ngày | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | H5-5.3-01 | Kế hoạch giáo dục địa phương | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | H5-5.3-02 | Giáo án, tài liệu giáo dục địa phương | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | H5-5.3-03 | Báo cáo sơ kết, tổng kết giáo dục địa phương | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 4 | H5-5.3-04 | Sổ gọi tên ghi điểm | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | H5-5.4-01 | Giáo án hướng nghiệp | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | H5-5.4-02 | Báo cáo sơ kết, tổng kết trải nghiệm, hướng nghiệp | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.5** | 1 | H5-5.5-01 | Kế hoạch kỹ năng sống | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 2 | H5-5.5-02 | Kế hoạch ngoài giờ lên lớp | Tháng 9/2014  Tháng 9/2015  Tháng 9/2016  Tháng 9/2017  Tháng 9/2018 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| 3 | H5-5.5-03 | Các hình ảnh tuyên truyền kỹ năng sống | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Truyền thống |
| 4 | H5-5.5-04 | Báo các hoạt động kỹ năng sống | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 5.6** | 1 | H5-5.6-01 | Kết quả xét tốt nghiệp | Năm học 2014-2015  Năm học 2015-2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ | Phòng Phó hiệu trưởng |